



# BẢN TIN

# THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 16 (từ 20/04 - 24/04/2015)

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN  
NÔNG LÂM THỦY SẢN  
VÀ NGHỀ MƯỚI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan

Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: [thuongmai.cb@mard.gov.vn](mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn)

Website: [chebien.mard.gov.vn](http://chebien.mard.gov.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM  
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngoc Hà - Ba Đình

Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: [trangtin@mard.gov.vn](mailto:trangtin@mard.gov.vn)

Website: [www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn)



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

### TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, đồng USD tiếp tục chững lại trong khi đồng Euro lấy lại đà tăng do thái độ cương quyết của các nhà hoạch định chính sách của khối Eurozone đã tác động đến giá cả nhiều loại hàng hóa.

Hy Lạp sắp vỡ nợ, Anh đe dọa tách khỏi khối liên minh EU... khiến nhiều nhà kinh tế bày tỏ sự quan ngại về viễn cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, sự cương quyết của Đức và đặc biệt tuyên bố mới đây của bà Christine Lagarde, chủ tịch Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra lời từ chối yêu cầu trì hoãn thời điểm trả nợ của Bộ trưởng tài chính Hy Lạp trong khi đồng Euro đang khởi sắc, cũng khiến thị trường giảm bớt lo ngại.

**Thị trường thế giới**, giá cả phê được hậu thuẫn bởi các thông tin dự báo về sản lượng cà phê và mức thiếu hụt cà phê toàn cầu.

Tại Sở giao dịch Chicago, giá ngô Mỹ trong tuần qua giảm liên tục do dự kiến diện tích trồng ngô tăng mạnh và thông tin về chính phủ Mỹ xác nhận một ổ dịch cúm gia cầm đã khiến nhu cầu giảm.

Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo tại Thái Lan và Việt Nam đều giảm trong tuần qua do nhu cầu xuất khẩu yếu. Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 5/2015 diễn biến theo xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước do nguồn cung dồi dào. Giá đường giảm do nhà đầu cơ tăng cường bán ra và thông tin về nguồn cung lớn từ Thái Lan, Ấn Độ và dự đoán lượng mía đường sản xuất trong mùa vụ năm nay tại Brazil tăng.

**Thị trường trong nước**, giá thu mua hạt điều tươi tại Bình Phước nhìn chung đang diễn biến theo xu hướng tăng do đang vào thời điểm cuối vụ, nguồn cung hạn chế đẩy giá nhích lên.

Giá lúa, gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tuần qua biến động từ ổn định đến giảm nhẹ do hoạt động thu mua lúa, gạo của thương lái và doanh nghiệp không còn tích cực như trước, nhất là khi chương trình thu mua tạm trữ 1 triệu tấn quy gạo vụ Đông Xuân 2014-2015 tại ĐBSCL đã kết thúc vào ngày 15/4 vừa qua. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, giá một số loại trái cây đang vào mùa rộ nên nguồn cung nhiều khiến giá giảm đáng kể.

Giá cá tra nguyên liệu tại nhiều tỉnh, thành ĐBSCL giảm do gần đây nhu cầu tiêu thụ cá tra phi-lê trên thị trường xuất khẩu thấp nên nhiều doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu hạn chế việc thu mua cá tra nguyên liệu. Giá tôm tại một số tỉnh phía Nam đang có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước do nguồn cung dồi dào, xuất khẩu gặp nhiều bất lợi về tỉ giá, thị trường tiêu thụ chậm.

# LÚA GẠO

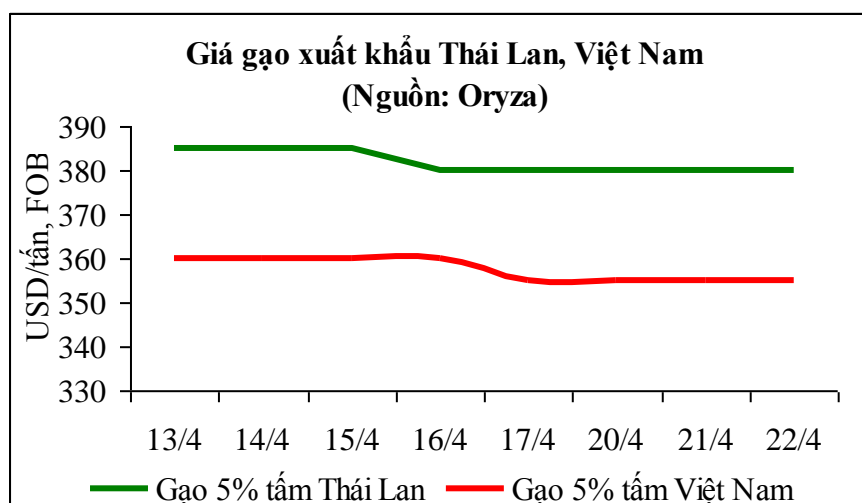


*Thị trường thế giới:* Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo tại Thái Lan và Việt Nam đều giảm trong tuần qua do nhu cầu xuất khẩu yếu. Các thương nhân tại Thái Lan đã hoạt động trở lại sau kỳ nghỉ Tết Songkran, song không khí giao dịch vẫn trầm lắng. Gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan ngày 22/4 giảm xuống 380 - 390 USD/tấn (FOB Băng Cốc), giảm so với 385 - 395 USD/tấn tuần trước. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 6/2014. Ngày 1/4/2015 đánh dấu thời điểm gạo 5% tấm mất mốc 400 USD/tấn và liên tiếp từ đó tới nay chưa lấy lại được mức giá đó. Gạo 25% tấm ở mức 355 - 365 USD/tấn. Nghịch lý là dù giá thấp như vậy vẫn không thu hút được khách hàng bởi giá gạo Việt Nam còn thấp hơn.

Gạo 5% tấm của Việt Nam tuần qua được chào bán giảm 5 USD/tấn so với tuần trước, xuống còn 355 - 365 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn); gạo 25% tấm giảm khá nhiều so với tuần trước, từ 340 - 350 USD/tấn xuống chỉ còn 330 - 340 USD/tấn.

Chính phủ Thái Lan đang cố gắng giải phóng 17 triệu tấn gạo dự trữ, nhưng điều đó rất khó khăn bởi khối lượng này tương đương 40% tổng mật dịch gạo toàn cầu hàng năm.

Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan (TREA) ước tính xuất khẩu gạo năm 2015 giảm 22-27% xuống 8-8,5 triệu tấn do giá xuất khẩu gạo toàn cầu giảm và cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu khác như Việt Nam, Ấn Độ và Pakistan. Những yếu tố như biến động tiền tệ toàn cầu, đồng baht mạnh lên, giá dầu tuột dốc và điều kiện kinh tế tại các nước nhập khẩu đang ảnh hưởng đến xuất khẩu gạo của Thái Lan trong thời gian qua. Trong khi đó, quyết định trì hoãn các phiên đấu giá gạo trong năm nay của Bộ Thương mại Thái Lan đã được đưa ra nhằm giảm tác động của tình trạng giá gạo tuột dốc.



*Thị trường trong nước:* Giá lúa, gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tuần qua biến động từ ổn định đến giảm nhẹ. Nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động thu mua lúa, gạo của thương lái và doanh nghiệp không còn tích cực như trước, nhất là khi chương trình thu mua tạm trữ 1 triệu tấn quy gạo vụ Đông Xuân 2014-2015 tại ĐBSCL đã kết thúc vào ngày 15/4 vừa qua. Hiện TP Cần Thơ và nhiều tỉnh vùng ĐBSCL đã thu hoạch dứt điểm lúa đông xuân 2014-2015 và phần lớn nông dân đã bán được lúa nên nhiều khả năng giá lúa gạo sẽ bình ổn chứ không tiếp tục giảm sâu thêm.

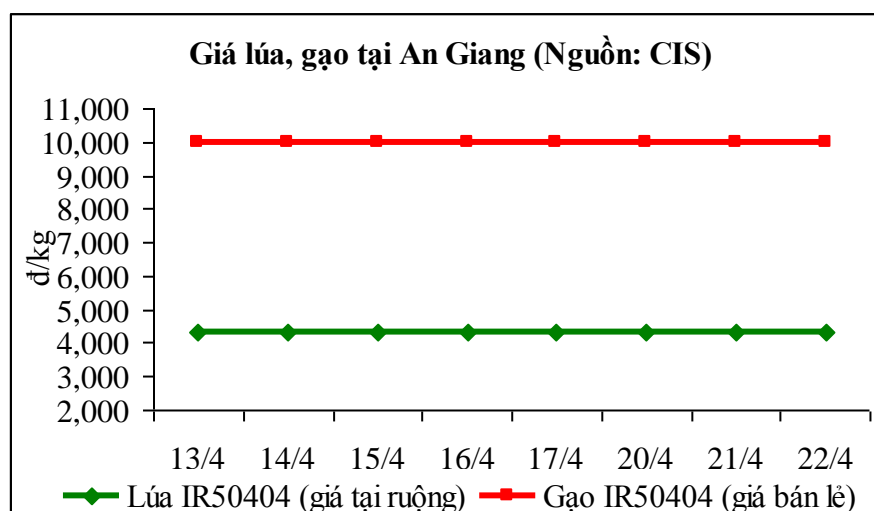
# LÚA GẠO



Theo Hệ thống cung cấp giá tại địa phương, diễn biến giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua cụ thể như sau: tại An Giang, lúa tươi IR50404 ổn định ở mức 4.300 đ/kg; lúa OM 2514, OM 2717 ở mức 4.600 đ/kg; lúa thơm jasmine phơi khô ở mức 5.700 đ/kg. Tại Kiên Giang, giá lúa cũng ổn định, với lúa tẻ thường ở mức 5.500 đ/kg, lúa dài ở mức 5.700 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá lúa giảm, với lúa khô chất lượng cao giảm còn 5.200 – 5.300 đ/kg so với 5.300 – 5.400 đ/kg tuần trước.

Dù vụ hè thu 2015 ở ĐBSCL vẫn chưa bước vào thu hoạch, nhưng việc tiêu thụ lúa gạo hàng hóa vụ này phải tính sớm ngay từ bây giờ, bởi khả năng xuất khẩu trong những tháng tới vẫn rất khó khăn. Theo báo cáo của các Sở NN và PTNT, nông dân các tỉnh đã xuống giống vụ hè thu được trên 700 ngàn ha lúa hè thu. Với những trà lúa Hè Thu sớm, thông tin từ một số thương lái cho hay chỉ khoảng 20 ngày nữa là bước vào thu hoạch. Trong khi đó, xuất khẩu gạo vẫn đang trong tình trạng ảm đạm, và việc tiêu thụ lúa gạo hàng hóa vụ hè thu tới nhiều khả năng sẽ khó khăn hơn cả vụ Đông Xuân. Bởi vụ lúa Đông Xuân ít nhiều đã được hỗ trợ bởi mấy hợp đồng lớn cung cấp gạo cho Phi-lip-pin (300 ngàn tấn), Ma-lai-xia (240 ngàn tấn) và Cu-ba (300 ngàn tấn). Đến thời điểm này, các doanh nghiệp đã cơ bản giao xong hoặc đã mua đủ gạo để phục vụ cho các hợp đồng tập trung nói trên. Do đó, lúa gạo vụ hè thu gần như chưa có hợp đồng lớn nào đáng kể.

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 4/2015 ước đạt 811 nghìn tấn với giá trị đạt 351 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 4 tháng đầu năm 2015 ước đạt 1,95 triệu tấn và 849 triệu USD, giảm 4,8% về khối lượng và giảm 9,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá gạo xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2015 đạt 436,9 USD/tấn, giảm 5,14% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2015 với 27,3%. Thị phần của Trung Quốc có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2014 (giảm 40,32% về khối lượng và giảm 45,11% về giá trị). Đáng chú ý nhất là thị trường Bờ Biển Ngà có sự tăng trưởng đột biến trong 3 tháng đầu năm 2015, vươn lên vị trí thứ 5 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam, chiếm 4,68% thị phần.

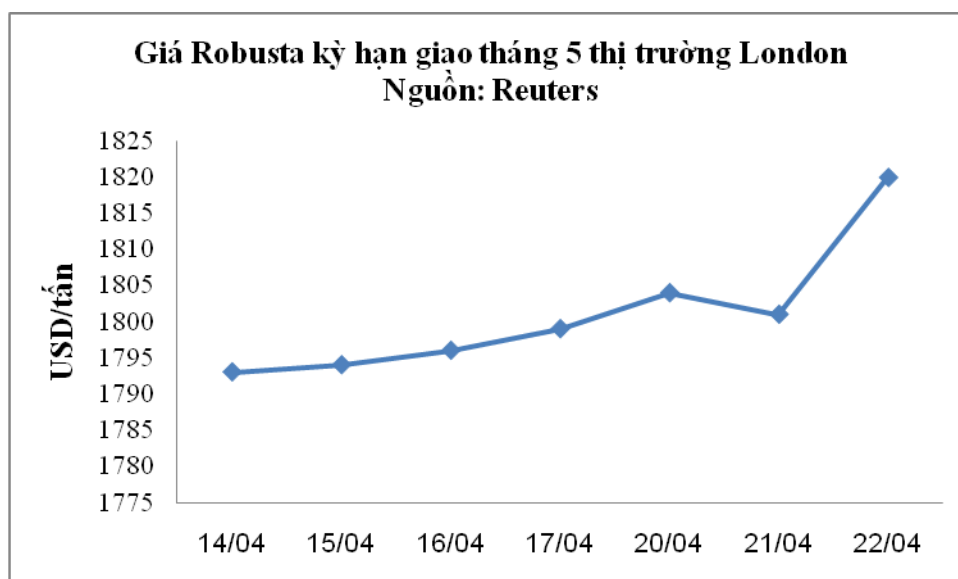




# CÀ PHÊ



*Thị trường thế giới:* Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 5 thị trường London tăng 21 USD/tấn lên 1.820 USD/tấn. Thị trường cà phê thế giới được hậu thuẫn bởi các thông tin dự báo về sản lượng cà phê và mức thiếu hụt cà phê toàn cầu. Tổ chức Robobank đã nâng dự báo thiếu hụt cà phê toàn cầu niên vụ hiện tại thêm 300.000 bao lên 6,4 triệu bao. Ngân hàng ABN Amro (Hà Lan) dự báo sản lượng cà phê của Brazil sẽ tiếp tục giảm trong năm nay mặc dù đã có mưa thuận lợi và nguồn cung toàn cầu có khả năng thiếu hụt.



Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), nhu cầu cà phê dự đoán đạt kỷ lục trong khi sản lượng giảm năm thứ 2 liên tiếp, gây thiếu hụt 7,4 triệu bao. ICO cho biết tiêu thụ cà phê thế giới năm 2014 đạt 149,27 triệu bao, tăng 2,3% so với năm 2013. ICO dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2014-2015 giảm xuống còn 141,85 triệu bao, chủ yếu do giảm ước tính sản lượng cà phê robusta của châu Phi. Như vậy, thiếu hụt cà phê là khoảng 7,42 triệu bao.

Theo ICO, trong khi tiêu thụ cà phê tại nhiều nước mới nổi và nước sản xuất cà phê tăng mạnh, tiêu thụ tại các nước phát triển lại có dấu hiệu chậm lại. Thị trường tiêu thụ cà phê truyền thống như EU, Mỹ và Nhật Bản, chiếm trên 50% tổng tiêu thụ toàn cầu, chỉ tăng trưởng với tốc độ khiêm tốn 1,5% trong 4 năm qua. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê tại châu Á tăng trưởng khoảng 4,5%/năm và châu Phi 5%/năm và dự báo sẽ tiếp tục tăng.

Đáng lưu ý là nhu cầu nội địa của các nước xuất khẩu cà phê tăng đáng kể, bình quân đạt 2,6%. Nhu cầu nội địa của Brazil năm 2014 đạt 20,8 triệu bao, tiếp đến Indonesia 4,2 triệu bao, Ethiopia 3,7 triệu bao và Mexico 2,4 triệu bao.

Hiệp hội ngành cà phê Abic cho biết tiêu thụ cà phê nội địa tại Brazil tăng 1,2% lên 20,33 triệu bao loại 60 kg/bao trong năm nay kết thúc vào tháng 10. Tiêu thụ tại Brazil, nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới đã giảm 1,2% trong 12 tháng trước. Quốc gia này đứng thứ hai sau Hoa Kỳ trong tiêu thụ đồ uống này.

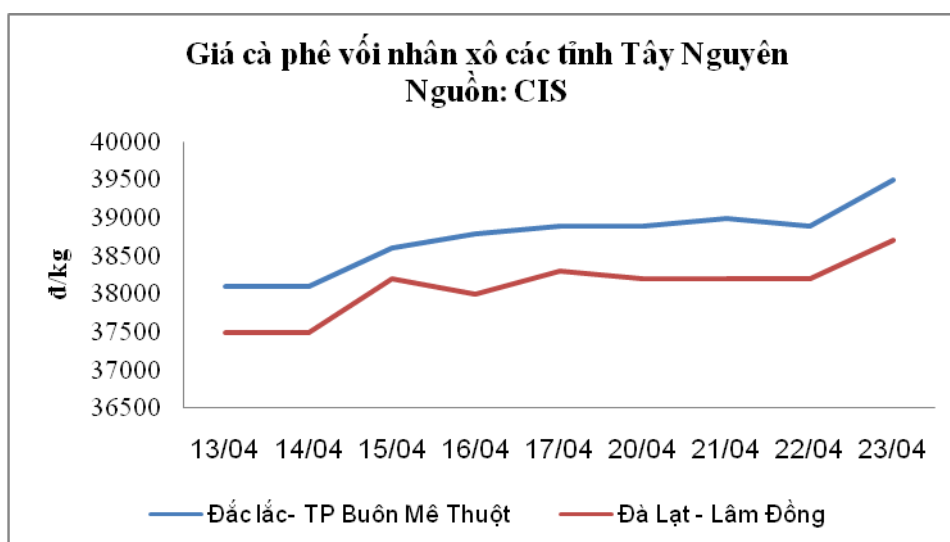
# CÀ PHÊ



Nghiên cứu mới nhất cho thấy tiêu thụ bình quân đầu người tăng nhẹ lên 4,89 kg cà phê đã rang xay một năm. Tiêu thụ toàn cầu hàng năm tương đương khoảng 131 triệu bao cà phê nhân.

Các dự báo sản lượng vụ sắp tới của Brazil trong phạm vi từ 42 triệu tới 48 triệu bao cà phê sau khi hạn hán trong năm qua đã gây thiệt hại cho cây trồng. Brazil sản xuất và xuất khẩu chủ yếu cà phê arabica. Nhưng chưa đến 1/3 sản lượng này là cà phê robusta, mà hầu như giành cho tiêu thụ nội địa. Sản lượng cà phê robusta tại Brazil có thể giảm khoảng 25% do tình trạng khô hạn tại bang sản xuất chính trong đầu năm 2015.

*Thị trường trong nước:* Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 400 – 600 đ/kg lên 38.700 – 39.500 đ/kg; Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB tăng 24 USD/tấn lên 1.840 USD/tấn.



Doanh số bán cà phê nội địa tại Việt Nam phục hồi trong những ngày gần đây, nông dân bắt đầu bán lượng cà phê tồn trữ do giá tăng nhẹ. Việc nông dân bán ra sẽ giúp các nhà xuất khẩu đáp ứng các cam kết giao hàng của họ trong tháng 4 và những tháng tiếp theo.

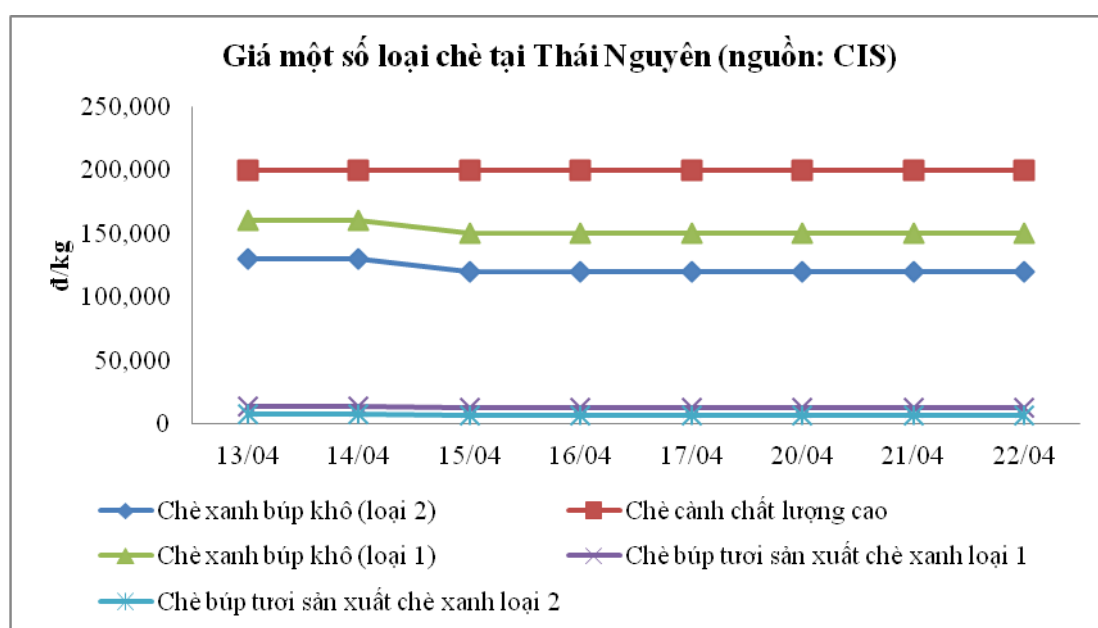
Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cà phê tháng 4 năm 2015 ước đạt 112 nghìn tấn với giá trị đạt 229 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 4 tháng đầu năm 2015 ước đạt 466 nghìn tấn và 970 triệu USD, giảm 41% về khối lượng và giảm 39,3% về giá trị so cùng kỳ năm 2014. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2015 đạt 2.091 USD/tấn, tăng 6,64% so với năm 2014. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2015 với thị phần lần lượt là 18,16% và 12,54%.

*Hồ Như Nguyệt*

# CHÈ



*Thị trường trong nước:* Tuần qua tại Thái Nguyên, giá chè xanh búp khô đã giảm 10.000đ/kg so với tuần trước xuống mức giá 150.000đ/kg đối với loại 1 và 120.000đ/kg loại 2. Đồng thời, giá chè nguyên liệu sản xuất chè xanh cũng giảm 1.000 đ/kg xuống các mức 13.000đ/kg đối với chè nguyên liệu loại 1 và 7.000đ/kg chè nguyên liệu loại 2. Nguyên nhân chính là do thời điểm hiện tại là chính vụ của mặt hàng chè tại Thái Nguyên, nguồn cung đang tăng, khiến giá sản phẩm giảm. Tuy nhiên, loại chè cành chất lượng cao vẫn giữ ở mức giá của tuần trước là 200.000đ/kg do sản lượng loại chè này không cao trong khi đó nhu cầu luôn ở mức cao.

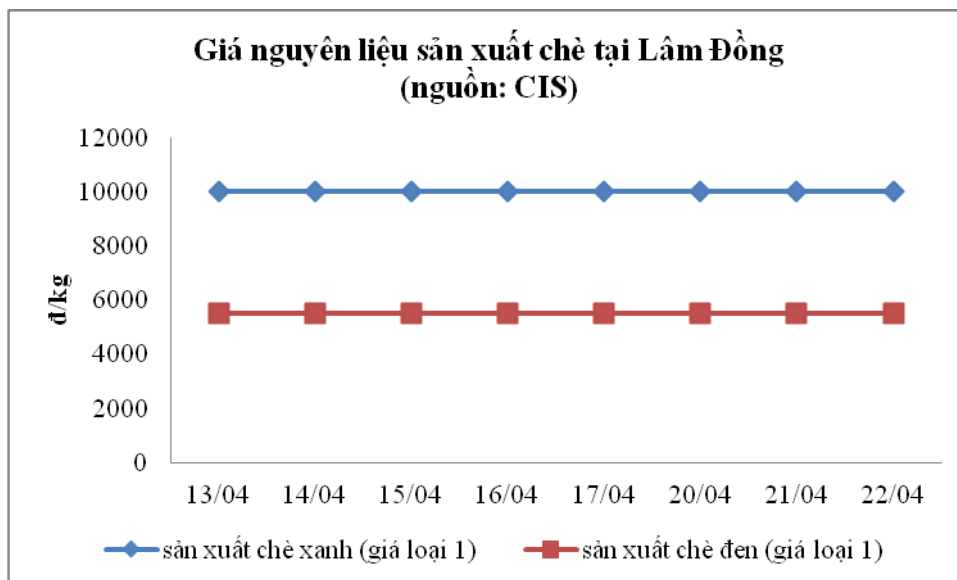


Chè Thái Nguyên được tiêu thụ cả thị trường trong và ngoài nước, trong đó thị trường nội địa chiếm 70-80%, chỉ có khoảng 20-30% sản lượng chè chế biến được xuất khẩu. Thị trường nhập khẩu chè Thái Nguyên chủ yếu là các nước Trung Đông, một số nước châu Á, vùng lãnh thổ và Đông Âu, điển hình là Pakistan, Đài Loan, Trung Quốc...

Để thương hiệu chè Thái Nguyên vươn tới các thị trường ngoài nước, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học công nghệ Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể chè Thái Nguyên tại các nước và vùng lãnh thổ Trung Quốc, Mỹ và Đài Loan - thị trường trọng tâm của chiến lược xuất khẩu chè Thái Nguyên trong những năm tiếp theo.

Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng, mặt hàng chè nguyên liệu vẫn giữ ở mức giá ổn định của tuần trước. Cụ thể, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 5.500đ/kg và giá chè nguyên liệu sản xuất chè xanh là 10.000đ/kg. Hiện nay, Lâm Đồng có 21.961ha chè, chiếm 1/4 diện tích chè cả nước và có sản lượng 211.240 tấn, chiếm 27% sản lượng chè cả nước.

# CHÈ



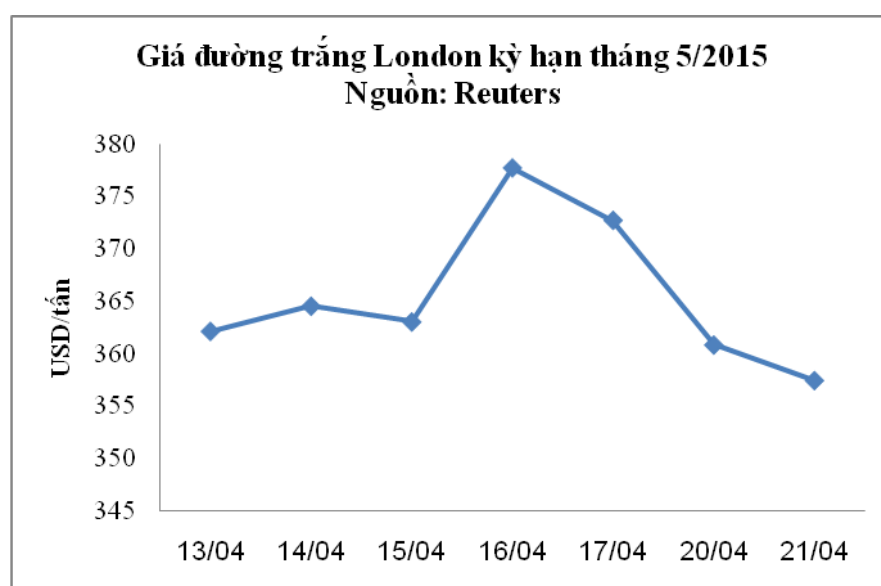
*Tình hình xuất nhập khẩu:* Khối lượng xuất khẩu chè tháng 4 năm 2015 ước đạt 8 nghìn tấn với giá trị đạt 14 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 4 tháng đầu năm 2015 ước đạt 33 nghìn tấn với giá trị đạt 54 triệu USD, giảm 3,8% về khối lượng nhưng tăng 1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá chè xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2015 đạt 1.617 USD/tấn, tăng 5,03% so với cùng kỳ năm 2014. Trong 3 tháng đầu năm 2015, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam-tăng gấp hơn 2 lần cả về khối lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

*Chu Diễm Hằng*

# MÍA ĐƯỜNG



*Thị trường thế giới:* Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 5/2015 giảm 12,3 USD/tấn xuống còn 360,4 USD/tấn. Giá đường giảm do nhà đầu cơ tăng cường bán ra. Nguồn cung lớn từ Thái Lan, Ấn Độ và dự đoán lượng mía đường sản xuất trong mùa vụ năm nay tại Brazil tăng cũng tác động tới thị trường.



Sản lượng đường thô của Mexico trong năm marketing 2015/16 được dự báo ở mức 6,5 triệu tấn. Sản lượng đường năm marketing 2014/15 được điều chỉnh giảm xuống 5,4 triệu tấn đường thô. Xuất khẩu đường được dự báo là 1,8 triệu tấn trong năm 2015/16. Tổng lượng đường xuất khẩu trong năm trước là 1,6 triệu tấn, xuất khẩu sang Mỹ là 1,4 triệu tấn.

Sản lượng đường của Ác-hen-ti-na trong niên vụ 2015/16 được dự kiến tăng lên 2,25 triệu tấn. Sản lượng mía đường được dự kiến ở mức kỷ lục do thời tiết cực kỳ ẩm ướt trong tháng 2 và tháng 3 tại khu vực sản xuất này. Ngành đường Ác-hen-ti-na đang đối mặt với những khó khăn lớn như tồn kho cao, sản lượng dự báo cao, giá đường thế giới thấp, chi phí sản xuất ngày càng tăng và tiêu thụ trong nước giảm. Ngành đường mong muốn chính phủ tăng tỷ lệ pha trộn ethanol sinh học và cũng cho biết rằng họ sẽ phải xuất khẩu khối lượng đường lớn bất chấp giá thấp. Xuất khẩu được dự báo là 400.000 tấn nhưng có thể thay đổi đáng kể.

Trong năm marketing 2015/16, tổng sản lượng đường thô của Ai Cập được dự báo tăng 3% so với năm 2014/15 lên 2,127 triệu tấn do sản lượng củ cải đường thô tăng 60.000 tấn. Nhập khẩu đường thô được dự kiến giảm 23% hay 300.000 tấn so với năm trước xuống còn 1 triệu tấn. Hệ thống định hướng thị trường mới dẫn tới giá đường nhập khẩu thấp hơn giá đường sản xuất trong nước. Tiêu thụ được dự kiến tăng 2,5% nhờ tăng trưởng dân số.



# MÍA ĐƯỜNG



Chương trình tái cấu trúc nông nghiệp của chính phủ Thái Lan sẽ có thể tăng sản lượng đường năm marketing 2015/16 tới 4% so với năm trước lên 11,4 triệu tấn và đường xuất khẩu lên khoảng 9 triệu tấn. Sản lượng mía đường dự báo có xu hướng tăng trong những năm tới do hỗ trợ của chính phủ theo chương trình cải cách nông nghiệp 5 năm (2015/16 – 2019/20). Tuy nhiên giá đường trong nước có xu hướng giảm do tồn trữ lớn và áp lực từ giá đường thế giới. Điều này sẽ thách thức kế hoạch cải tổ các chương trình hỗ trợ mía đường của chính phủ Thái Lan.

*Thị trường trong nước:* Hiện giá bán buôn đường RE dao động từ 13.500-15.300 đồng/kg. Giá bán lẻ đường trên thị trường ổn định, dao động ở mức 18.000 – 21.000 đồng/kg. Giá đường ít biến động do tình hình tiêu thụ chậm và lượng tồn kho vẫn cao.

Theo dự báo của Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính), hiện một số nhà máy đường sẽ kết thúc vụ trong tháng 4. Sản lượng đường tháng 4 giảm hơn tháng 3, nhưng vẫn ước đạt 200 nghìn tấn/tháng. Dù bắt đầu vào mùa hè, nhu cầu tiêu dùng đường sẽ tăng nhưng dự báo giá đường trong nước duy trì như hiện nay, bởi lượng đường tồn kho còn cao.



*Hồ Như Nguyệt*

# HẠT ĐIỀU



*Thị trường thế giới:* Hiện giá điều W320 thượng hạng đang được giao dịch trong khoảng 6200 Rs/hộp/11,34 kg ở khu vực ven biển phía tây của Ấn Độ. Nhưng khu vực phía đông lại đang trải qua giai đoạn khan hiếm điều mảnh, điều vỡ dọc và điều còn nguyên nhân.

Năm nay, tháng Ramadan sẽ bắt đầu từ ngày 19/6. Giai đoạn sôi động của thị trường điều còn nguyên nhân có thể sẽ diễn ra sớm.

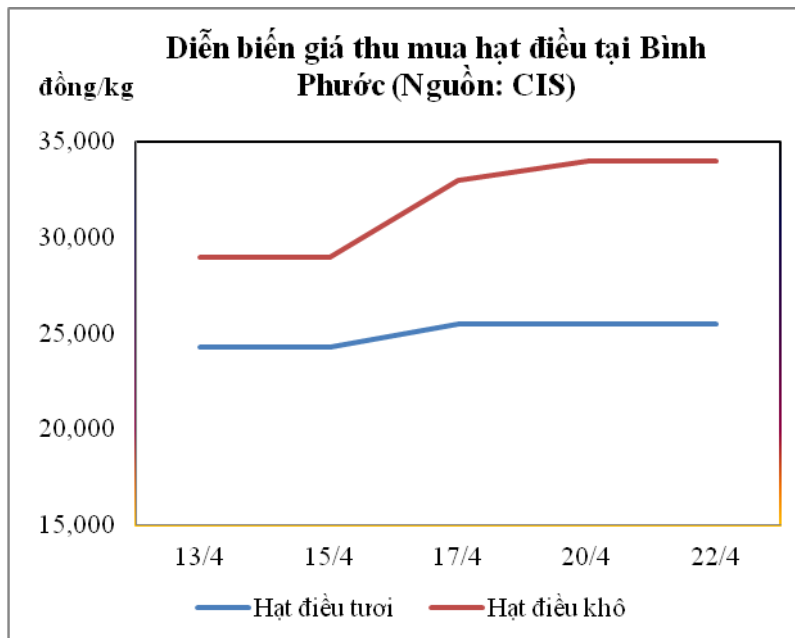
Chính phủ Goa hiện đang hỗ trợ cho thị trường điều thô địa phương. Các thương nhân từ các vùng biên giới hiện đang tận dụng thời cơ thuận lợi này. Khi hoạt động này chấm dứt, giá điều thô sẽ giảm ở Maharashtra và Kamataka.

*Thị trường trong nước:* Hiện đã vào cuối vụ thu hoạch, tại Bình Phước đã bắt đầu xuất hiện tình trạng dân đi mót điều cuối vụ. Đây cũng là thời điểm các chủ vườn chuẩn bị giai đoạn dọn vườn, tỉa cành, bón phân chăm cây.

Về giá cả, giá thu hạt điều tươi tại Bình Phước nhìn chung đang diễn biến theo xu hướng tăng do đang vào thời điểm cuối vụ, nguồn cung hạn chế đẩy giá nhích lên. Hiện giá thu mua hạt điều tươi đạt 25.500 đ/kg, tăng trung bình 1.200 đ/kg so với tuần trước; hạt điều khô là 34.000 đ/kg, tăng khoảng 3.000 đ/kg.

Về xuất khẩu, khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 4 năm 2015 ước đạt 28 nghìn tấn với giá trị 229 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2015 đạt 85 nghìn tấn với 635 triệu USD, tăng 14,1% về khối lượng và tăng 36,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2015 đạt 7.161 USD/tấn, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2014. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm lần lượt 32,01%, 18% và 10,31% tổng giá trị xuất khẩu.

Về giá xuất khẩu, trong 2 tuần qua thị trường giao dịch diễn ra bình thường, giá xuất khẩu điều nhân sang các thị trường Mỹ, Nhật Bản và Trung Đông tăng nhẹ, riêng thị trường Trung Quốc giá ổn định.



# HẠT ĐIỀU



Tham khảo giá xuất khẩu điều sang một số thị trường chính tuần từ 13-19/04/2015

Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Thị trường
Nhân hạt điều loại WW320	kg	15876	7,34	Úc
Hạt điều nhân loại WW320	kg	15200	6,832	Úc
Hạt điều nhân loại W210	kg	2268	8,40	Trung Quốc
Hạt điều nhân loại W240	kg	3402	8,10	Trung Quốc
Hạt điều nhân loại WW320	kg	15876	7,69	Trung Quốc
Nhân hạt điều WW450	kg	1701	7,10	Trung Quốc
Hạt điều nhân WW240 đã bóc vỏ, chưa rang	kg	1814,4	8,30	Trung Quốc
Hạt điều nhân DDW đã bóc vỏ, chưa rang	kg	1814,4	7,10	Trung Quốc
Nhân hạt điều LBW240	kg	521,64	7,50	Trung Quốc
Hạt điều nhân LBW320	kg	680,4	6,80	Trung Quốc
Hạt điều nhân W320	kg	15876	7,80	Hà Lan
Nhân hạt đã qua chế biến loại WW450	kg	7938	6,94	Hà Lan
Hạt điều SP	kg	9,07	4,961	Hà Lan
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến W320	Tấn	15.88	7295,34	Hoa Kỳ
Nhân hạt điều sơ chế WW240	Tấn	15.88	7978,59	Hoa Kỳ
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến W320	kg	15876	7,34	Anh
Hạt điều nhân loại WW320	kg	15876	7,69	Thái Lan
Nhân hạt điều W320	Tấn	15,88	8044,71	Thái Lan
Hạt điều nhân loại WW450	kg	15876	6,83	Đức

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại)

**Trương Thị Thu Phương**



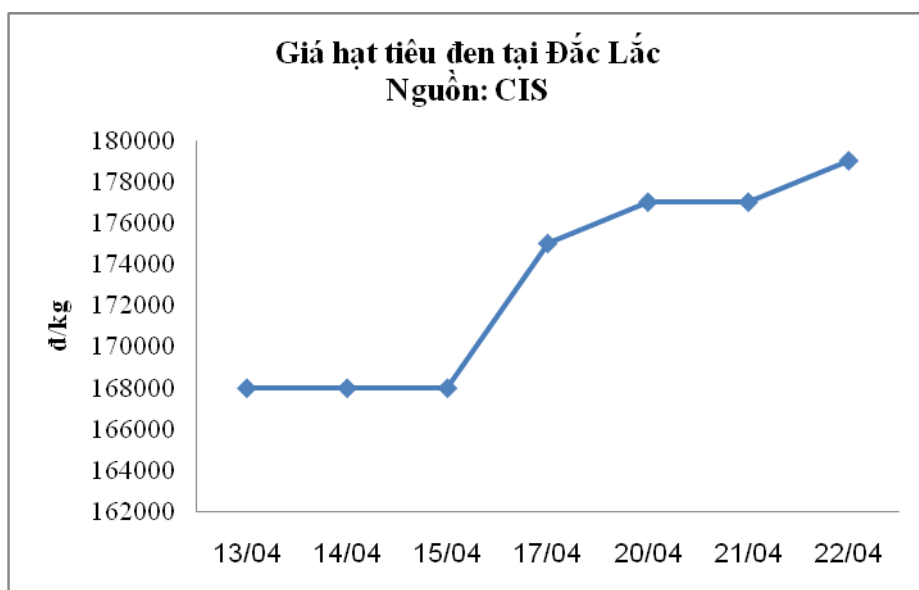
# HẠT TIÊU



**Thị trường thế giới:** Thị trường hạt tiêu Ấn Độ tăng trong tuần qua do nhu cầu tăng mạnh. Giá các hợp đồng hạt tiêu kỳ hạn đều có mức tăng 500 Rup/ tạ. Giá hạt tiêu khu vực Bathery (Wayanad) ở mức 590 Rup/ kg trong khi giá hạt tiêu khu vực cao nguyên là 600 Rup/ kg. 52 tấn hạt tiêu đã được giao dịch trên thị trường. Trong số này, 32 tấn hạt tiêu là của khu vực Karnataka. Giá hạt tiêu giao ngay tăng 500 Rup/ tạ lên 57.000 Rup/ tạ đối với tiêu xô và 60.000 Rup/ tạ đối với tiêu sơ chế. Trên sàn giao dịch của Hiệp hội Gia vị IPSTA, giá hạt tiêu các hợp đồng giao tháng 5, tháng 6 và tháng 7 lần lượt là 60.000 Rup/ tạ, 59.990 Rup/ tạ và 59.990 Rup/ tạ. Giá tiêu xuất khẩu đi châu Âu là 9.850 USD/ tấn và giá tiêu xuất khẩu đi Mỹ là 10.100 USD/ tấn.

**Thị trường trong nước:** Thị trường hạt tiêu trong nước biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá thu mua hạt tiêu đen tại Bình Phước tăng 4.000 đ/ kg lên 179.000 đ/ kg. Giá hạt tiêu tiếp tục tăng do nguồn cung bị thắt chặt. Các tỉnh trọng điểm về hồ tiêu trên cả nước là Gia Lai, Đak Lak, Đak Nông, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương hiện đang bị mất mùa do tình hình thời tiết không thuận lợi.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 4 năm 2015 ước đạt 16 nghìn tấn, với giá trị đạt 152 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 4 tháng đầu năm 2015 lên 56 nghìn tấn với giá trị 513 triệu USD, giảm 25% về khối lượng nhưng tăng 0,5% về giá trị. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2015 đạt 9.134 USD/ tấn, tăng 34,6% so với cùng kỳ năm 2014. Xuất khẩu tiêu sang thị trường Hòa Kỳ, Singapore và Ấn Độ - 3 thị trường lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2015 chiếm 44,28% thị phần.



Trong 3 năm trở lại đây, ngành hồ tiêu của Việt Nam đã có những bước phát triển ngoạn mục, tăng nhanh cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Hiện nay, diện tích hồ tiêu của cả nước đã đạt trên 79.000 ha, trong đó, các tỉnh Tây Nguyên chiếm 51,6%, các tỉnh Đông Nam Bộ chiếm 39,6% diện tích hồ tiêu của cả nước. Đặc biệt, năng suất hồ tiêu bình quân của cả nước đã đạt 2,16 tấn tiêu khô một ha, được xếp vào loại cao nhất thế giới. Hồ tiêu Việt Nam chiếm 30% sản lượng và hơn 50% thị phần xuất khẩu hồ tiêu trên thế giới.

*Hồ Như Nguyệt*



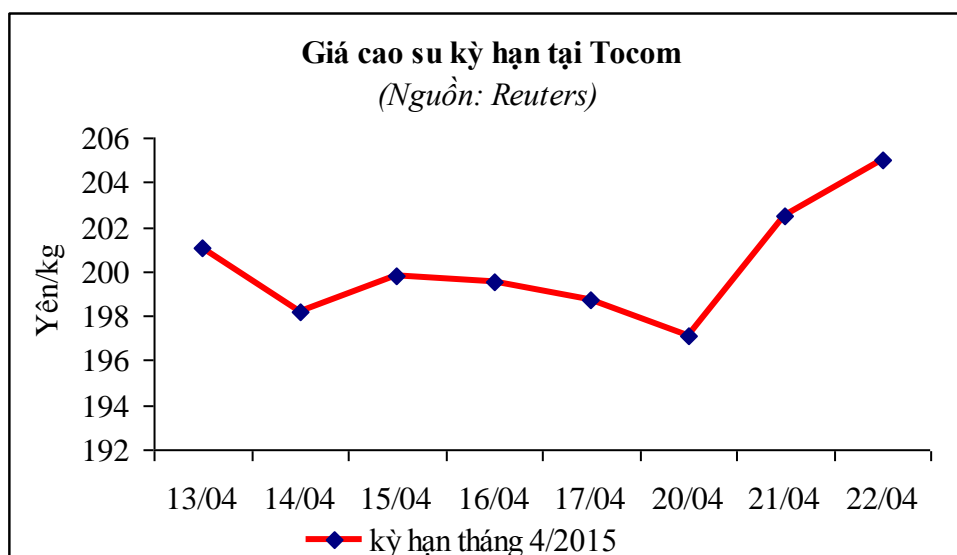
# CAO SU



*Thị trường thế giới:* Giá cao su kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (Tocom) tăng mạnh trong 3 phiên đầu tuần này, sau khi giảm vào tuần trước do đồng Yên suy yếu và sàn chứng khoán Tokyo vững điểm. Sự suy yếu của đồng Yên, khiến hàng hóa thanh toán bằng đồng yên Nhật rẻ hơn so với thanh toán bằng tiền tệ khác. Kết thúc phiên 22/4, hợp đồng benchmark giao tháng 9/2015 thiết lập mức cao trong 2 tuần, đạt 204,7 Yên/kg, tăng 6,1 Yên so với phiên cuối tuần trước (17/4). Hợp đồng giao tháng 4/2015 cuối phiên 22/4 đạt 205 Yên/kg, tăng 6,3 Yên so với phiên 17/4.

Nhật Bản đạt thặng dư thương mại lần đầu tiên trong gần 3 năm vào tháng 3/2015, do xuất khẩu xe hơi và thiết bị điện tử tăng, một dấu hiệu đáng khích lệ cho thấy tăng trưởng kinh tế có thể phục hồi trở lại sau một khởi đầu chậm chạp. Chỉ số Nikkei trung bình của Nhật Bản tăng 0,8% trong phiên hôm thứ tư (22/4), mặc dù chứng khoán chủ chốt của Mỹ giảm mạnh, do báo cáo thu nhập giảm phiên trước đó.

Theo dự báo của Tổ chức Nghiên cứu Cao su Quốc tế (IRSG), tổng nhu cầu tiêu thụ cao su trên thế giới năm 2015 sẽ đạt 29,1 triệu tấn và tăng lên 30,3 triệu tấn vào năm 2016. Trong đó, nhu cầu cao su tổng hợp sẽ tăng từ 16,8 triệu tấn năm 2015 lên 17,5 triệu tấn năm 2016 và đến 2023 là 21,5 triệu tấn. Còn nhu cầu đối với cao su thiên nhiên sẽ đạt 12,3 triệu tấn trong năm 2015, sau đó tiếp tục tăng lên 12,9 triệu tấn năm 2016 và 16,5 triệu tấn năm 2023.



*Thị trường trong nước:* Giá cao su trong nước tuần qua đã tăng nhẹ sau nhiều tuần giảm giá liên tiếp. Giá cao su các loại tại Bình Phước, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Dương tăng 900 – 1.100 đ/kg. Cụ thể: cao su RSS3 tăng từ 26.500 đ/kg (ngày 13/4) lên 27.600 đ/kg (ngày 22/4); cao su SVR10 tăng từ 21.700 đ/kg lên 22.600 đ/kg; cao su SVR 3L tăng từ 26.300 đ/kg lên mức 27.400 đ/kg.

# CAO SU

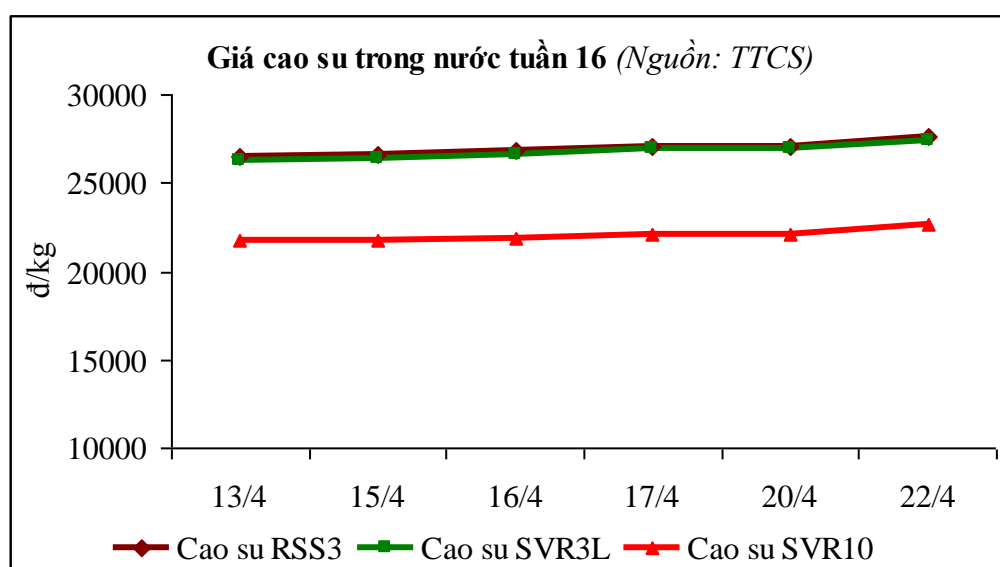


Thị trường cao su trong nước đang trong thời kỳ âm ảm do cung vượt cầu dự báo từ nay đến năm 2025, giá mủ cao su giảm sâu, nông dân trồng cao su gặp nhiều khó khăn để đảm bảo cuộc sống. Thời gian gần đây, nông dân ở thị xã Hương Trà và huyện Nam Đông (Thừa Thiên - Huế) đã ồ ạt đốn hạ nhiều diện tích cây cao su với mục đích bán gỗ hoặc chuyển sang trồng rừng kinh tế do giá bán mủ cao su giảm mạnh, người nông dân phải gánh chịu nhiều thua lỗ.

Trong tuần từ 13/4 - 17/4/2015, giá cao su Việt Nam chủng loại SVR 3L xuất khẩu chào bán vẫn là 1.580 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước đó. Trong tháng 4/2015, từ 01 - 17/4/2015, giá SVR 3L của Việt Nam xuất khẩu chào bán đạt trung bình 1.580 USD/tấn, không đổi so với mức trung bình trong tháng 3/2015 và giảm 508 USD/tấn (giảm 24,3%) so với tháng 4/2014.

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 4/2015 đạt 58 nghìn tấn với giá trị 84 triệu USD. Với ước tính này, 4 tháng đầu năm 2015 xuất khẩu cao su đạt 259 nghìn tấn, giá trị đạt 371 triệu USD, tăng 37,7% về khối lượng nhưng giảm 0,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá cao su xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2015 đạt 1.424 USD/tấn, giảm 29,15% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc, Ma-lai-xia và Ấn Độ vẫn duy trì là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2015, chiếm 68,08% thị phần.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 4/2015 ước đạt 36 nghìn tấn với giá trị đạt 65 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 4 tháng đầu năm 2015 đạt 125 nghìn tấn, giá trị nhập khẩu đạt 217 triệu USD, tăng 27,5% về khối lượng và tăng 8,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu từ các nước như Hàn Quốc (chiếm 19,1%), Nhật Bản (17,2%) và Cam-pu-chia (13,1%).

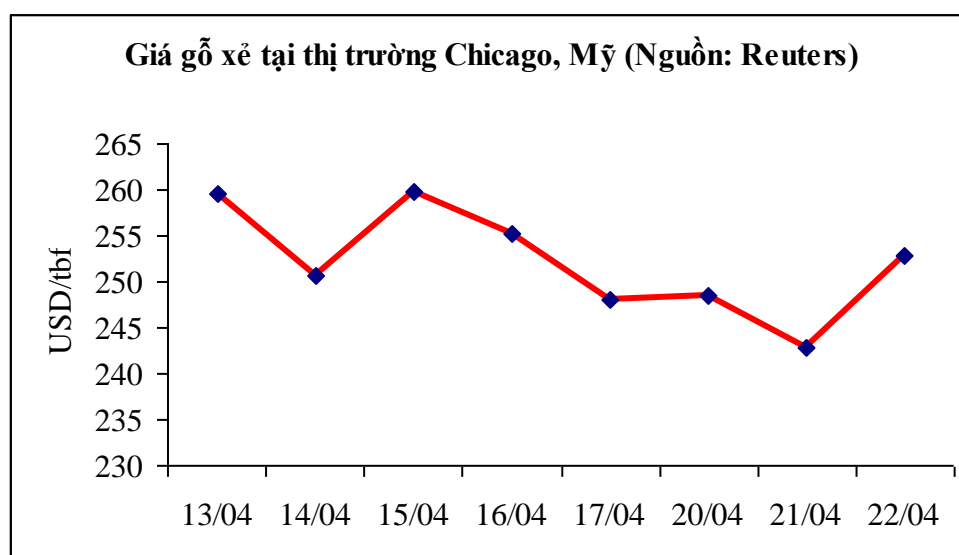


*Nguyễn Lan Anh*

# GỠ VÀ SẢN PHẨM GỠ



*Thị trường thế giới:* Giá gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Chicago, Mỹ tuần qua biến động tăng giảm thất thường. Trong đó, phiên giao dịch 21/4 chứng kiến xu thế giảm sâu của các kỳ hạn, với hợp đồng kỳ hạn tháng 5/2015 chỉ còn 242,9 USD/tbf, giảm 16,7 USD so với phiên đầu tuần trước (13/4). Tuy nhiên, kết thúc phiên 22/4, giá kỳ hạn tháng 5/2015 đã tăng trở lại 252,9 USD/tbf.



Theo Ủy ban châu Âu, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU trong năm 2014 đạt 21,2 tỷ Euro, tăng 5,5% so với năm 2013. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang các nước trong khối EU chiếm tỷ trọng cao, đạt 14 tỷ Euro, tăng 7,1% so với năm 2013. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU sang một số thị trường như: Đức đạt 3 tỷ Euro (tăng 9,7%); Pháp đạt 2,6 tỷ Euro (tăng 2,7%); Anh đạt 1,4 tỷ Euro (tăng 13,8%); Hà Lan đạt 1 tỷ Euro (tăng 1,1%) so với năm 2013. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường ngoài EU năm 2014 đạt 7,3 tỷ Euro, tăng 2,6% so với năm 2013. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang thị trường Mỹ đạt 1,1 tỷ Euro, tăng 16,8% so với năm 2013. Xuất khẩu sang thị trường Thụy Sĩ giảm xuống 1,3 tỷ Euro; Nga đạt 969 triệu Euro (giảm 9,2%); Na-uy đạt 766 triệu USD.

Các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu chính của EU trong năm 2014 là: đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu với kim ngạch đạt 9 tỷ Euro (tăng 4,2%); ghế khung gỗ đạt 5,5 tỷ Euro (tăng 9,7%); đồ nội thất nhà bếp đạt 3 tỷ Euro (tăng 2,3%); đồ nội thất phòng ngủ đạt 2,4 tỷ Euro (tăng 5,7%); đồ nội thất văn phòng đạt 1,3 tỷ Euro (tăng 5%) so với năm 2013.

*Thị trường trong nước:* Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam từ ngày 6/4 đến 15/4/2015 đạt 190,4 triệu USD, tăng 80,3% so với kỳ trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Mỹ đạt 70,6 triệu USD, Nhật Bản đạt 32,7 triệu USD, Trung Quốc đạt 23,4 triệu USD; Hàn Quốc đạt 15,6 triệu USD.

# GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Sau 2 tuần liên tiếp giảm mạnh, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu về Việt Nam trong tuần qua đã tăng mạnh. Theo thống kê sơ bộ, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu các loại đạt 82 triệu USD, tăng tới 113% so với tuần trước đó. Trong đó, nhập khẩu từ hầu hết các thị trường chính đều tăng mạnh, đặc biệt là nhập khẩu từ thị trường Mỹ và thị trường châu Âu.

Theo số liệu thống kê, ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 4/2015 đạt 555 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2015 đạt gần 2,07 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2014. Hoa Kỳ và Trung Quốc – 2 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2015 – chiếm 51% tổng giá trị xuất khẩu.

Giá trị nhập khẩu tháng 4/2015 ước đạt 236 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2015 đạt 747 triệu USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, nhập khẩu gỗ từ thị trường Lào chiếm tỷ trọng 20,5%, tiếp đến là Cam-pu-chia và Trung Quốc lần lượt chiếm 16,7% và 9,9% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này.



*Nguyễn Lan Anh*

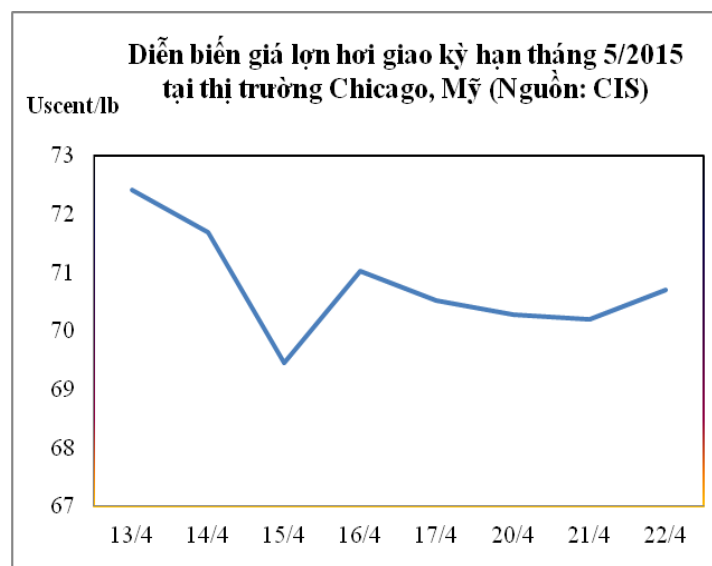


# THỊT



*Thị trường thế giới:* Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 5/2015 diễn biến theo xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước. Chốt phiên giao dịch ngày 22/4, giá lợn hơi đạt 70,7 Uscent/lb, giảm 1,725 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch đầu tuần trước. Các nhà bán lẻ hiện đang mua thịt lợn theo nhu cầu thiết yếu với giá ở mức thấp hơn do nguồn cung dồi dào gây ảnh hưởng tới giá bán buôn và thị trường kỳ hạn.

Dữ liệu của Bộ Nông nghiệp Mỹ cho thấy giá bán buôn thịt lợn vào sáng thứ 4 (22/4) đã giảm 1,1 USD/cwt so với ngày hôm trước (67,51 USD/cwt).



# THỊT



*Thị trường trong nước:* Những tuần gần đây do sức tiêu thụ vẫn ở mức bình thường nên giá lợn hơi và nhiều loại gia cầm vẫn tiếp tục duy trì ổn định.

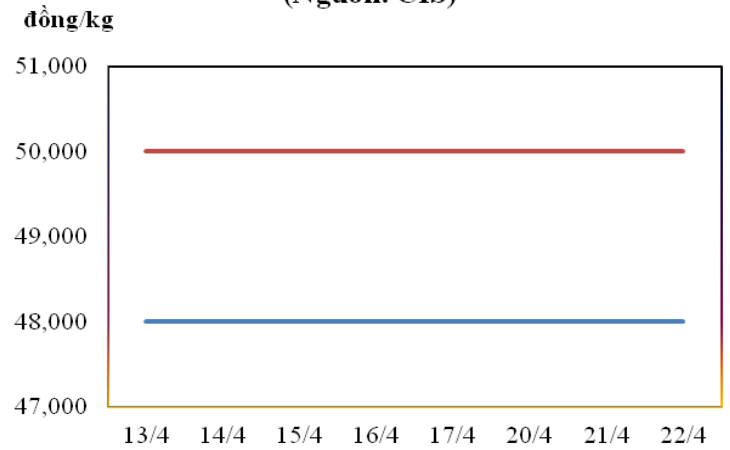
Giá thu mua lợn hơi tại các tỉnh phía Nam nhìn chung không đổi so với tuần trước. Cụ thể là, giá thu mua lợn hơi tại Vĩnh Long và An Giang ổn định ở mức 48.000 đ/kg và 50.000 đ/kg.

Về giá gia cầm, giá bán buôn gà ta tiếp tục xu hướng ổn định của tuần trước. Theo đó, giá bán buôn gà trống ta hơi tại chợ Hà Vĩ, Hà Nội và tại An Giang ổn định ở mức 100.000 đ/kg và 90.000 đ/kg.

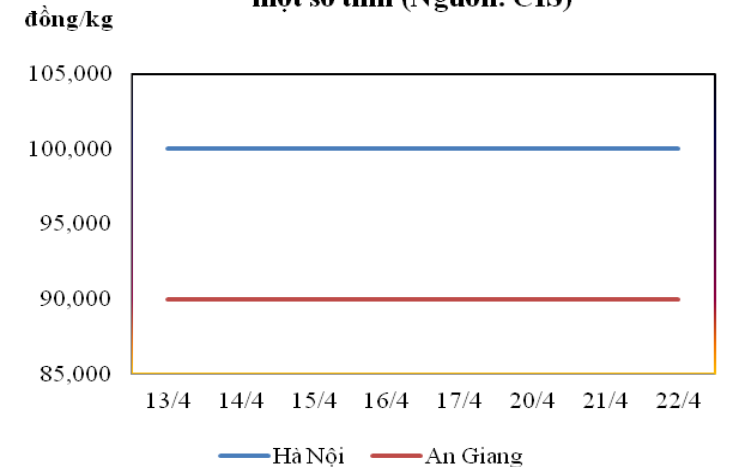
Dịp nghỉ lễ 30/4 và 1/5 đang tới gần, dự báo nhu cầu tiêu thụ thịt lợn và gia cầm sẽ tăng, kéo giá thu mua và bán buôn tăng lên.

**Trương Thị Thu Phương**

**Diễn biến giá thu mua lợn hơi tại một số tỉnh (Nguồn: CIS)**



**Diễn biến giá bán buôn gà trống ta hơi tại một số tỉnh (Nguồn: CIS)**





*Thị trường thế giới:* Giá cá ngừ vẫn đã giảm xuống mức thấp. Các đội tàu khai thác cá ngừ vẫn ở Thái Bình Dương và các nước tham gia thỏa thuận Nauru (PNA) đang cân nhắc ngừng khai thác 1 tháng để đẩy giá lên. Giá thanh toán bởi các nhà máy chế biến và đóng hộp cá ngừ đã giảm từ năm 2014 từ khoảng 1.800 USD/tấn xuống dưới 1.000 USD/tấn và dự kiến còn tiếp tục giảm. Với mức giá dưới 1.000 USD/tấn, các tàu khai thác của PNA sẽ bị thua lỗ nặng nề.

Hiện nguồn cung cá ngừ vẫn trên thị trường khá dồi dào trong khi nhu cầu các nhà chế biến thấp. Do vậy, việc ngừng khai thác sẽ giúp giảm bớt nguồn cung và nâng giá lên các mức mà các tàu khai thác có thể làm ăn có lãi.

Đầu tháng 4/2015, các nhà máy chế biến đồ hộp cá ngừ lớn ở Bangkok mua cá ngừ vẫn với giá 1.000 USD/tấn và 1.010 USD/tấn. Một số nhà máy chế biến ở Mỹ mua với giá 950 USD/tấn. Một nguồn tin ở Châu Á cho rằng, giá sẽ giảm thêm trước khi phục hồi.

Trong khi giá cá ngừ vẫn toàn cầu đang liên tục giảm, sản lượng khai thác loài này ở khu vực Đông Thái Bình Dương (EPO) tiếp tục tăng lên mức cao 6 năm. Hai tháng đầu năm nay, sản lượng cá ngừ vẫn ở khu vực EPO tăng 16% đạt 57.651 tấn, chiếm 53% tổng sản lượng khai thác cá ngừ thương mại của khu vực. Trong 2 tháng đầu năm, khối lượng khai thác cá ngừ vẫn đạt cao nhất kể từ năm 2009; khối lượng khai thác đạt đỉnh năm 2008 với 65.336 tấn.

Nguồn cung tăng trong khi nhu cầu yếu khiến giá cá ngừ vẫn toàn cầu giảm. Việc giảm hoạt động khai thác của các đội tàu, giảm nguồn cung được cho là cách tối ưu để bình ổn giá.

Tại Chi lê, giá cá hồi bạc ở nước này đã giảm 37% ngày 19/4/2015 khi so sánh với cùng thời điểm năm ngoái. Sự sụt giảm này có liên kết với một đợt gia tăng sản lượng 22% vào cuối vụ trước.

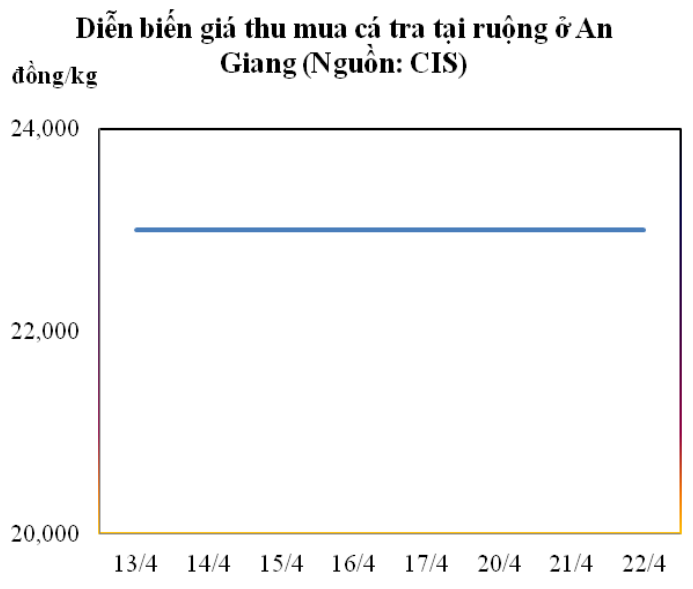
*Thị trường trong nước:* Giá thu mua cá tra tại An Giang và Tiền Giang nhìn chung tương đối ổn định ở mức 23.000 đ/kg và 30.000 đ/kg tương ứng, tuy nhiên, giá thu mua cá tra nguyên liệu được cho là đang ở mức thấp nhất kể từ đầu năm 2015 đến nay.

Tại một số tỉnh ĐBSCL giá cá tra nguyên liệu loại thịt trắng, đủ chuẩn xuất khẩu đang được nhiều hộ dân bán cho doanh nghiệp chỉ còn ở mức 22.500-23.000 đ/kg, giảm ít nhất khoảng 1.500 đ/kg so với hồi đầu năm. Giá cá tra giảm do gần đây nhu cầu tiêu thụ cá tra phi-lê trên thị trường xuất khẩu thấp nên nhiều doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu hạn chế việc thu mua cá tra nguyên liệu. Hơn nữa, thời điểm này các vùng nuôi cá tra nguyên liệu của doanh nghiệp cũng bước vào thu hoạch, nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung thu hoạch vùng cá nguyên liệu của mình mà không mua cá bên ngoài nên hộ dân nuôi cá tra nhỏ lẻ gặp khó khi bán cá.

# THỦY SẢN



Tại Trà Vinh, hiện các hộ nuôi cá lóc đang đối mặt với nguy cơ lỗ vì giá cả đang có xu hướng giảm. Cụ thể, cá lóc loại 1 (khoảng 2-3 con/kg) có giá từ 29.000 - 30.000 đ/kg, giảm 5.000 đ/kg so với trước. Bên cạnh đó, cá lóc nuôi hiện cũng rất khó tiêu thụ, khả năng giá tiếp tục giảm là điều khó tránh khỏi. Chỉ tính riêng con giống và thức ăn, chi phí sản xuất của người nuôi là không dưới 30.000 đ/kg. Với giá như hiện nay các hộ nuôi cá lóc khó thu được lãi, đa phần bị lỗ từ 500 - 1.000 đ/kg cá thương phẩm; riêng các hộ chẳng may gặp rủi ro dịch bệnh sẽ bị thua lỗ nặng. Nguyên nhân cá lóc nuôi giảm giá thấp là do chất lượng cá lóc nuôi kém hơn so với cá tự nhiên, khiến người tiêu dùng chọn mua các loài thủy sản khác để phục vụ các bữa ăn hàng ngày trong gia đình. Trong khi đó, diện tích nuôi loài thủy sản này hiện phát triển rất mạnh ở các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, khiến cung vượt cầu...



Nhìn chung giá tôm tại một số tỉnh phía Nam đang có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước do nguồn cung dồi dào, xuất khẩu gặp nhiều bất lợi về tỉ giá, thị trường tiêu thụ chậm. Cụ thể là, giá bán buôn tôm sú ướp đá loại 30 con/kg và 40 con/kg tại Bạc Liêu có mức giảm là 18.000 đ/kg và 13.000 đ/kg so với tuần trước, hiện có mức giá tương ứng là 174.000 đ/kg và 120.000 đ/kg. Tại Cà Mau, giá tôm sú ướp đá có mức giảm khoảng 5.000 – 10.000 đ/kg, cụ thể là, sú ướp đá loại 20 con/kg giảm 10.000 đ/kg; loại 40 con/kg giảm 5.000 đ/kg.

Tham khảo giá tôm sú ướp đá tại Cà Mau và Bạc Liêu

ĐVT: đ/kg

Cỡ (con/kg)	Cà Mau		Bạc Liêu	
	13/4	20/4	15/4	22/4
20	250.000 – 260.000	240.000 – 250.000		
30	170.000 – 180.000	170.000 – 180.000	192.000	174.000
40	145.000 – 155.000	140.000 – 150.000	133.000	120.000



# THỦY SẢN



Cùng chung xu hướng giảm giá với giá tôm sú, giá tôm thẻ chân trắng tại Cà Mau hiện cũng đang diễn biến theo xu hướng giảm. Mức giảm trung bình là 3.000 – 10.000 đ/kg, tùy loại.

Tham khảo giá thu mua tôm thẻ chân trắng tại đầm ở Cà Mau (ĐVT: đồng/kg)

<b>Cỡ (Con/Kg)</b>	<b>13/4</b>	<b>20/4</b>
130	73.000	70.000
120	75.000	72.000
110	78.000	73.000
100	80.000	75.000
90	85.000	78.000
80	90.000	82.000
70	100.000	93.000
60	105.000	102.000
50	115.000	110.000
40	135.000	125.000

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại)

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 4 năm 2015 ước đạt 514 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2015 đạt 1,87 triệu USD, giảm 16,4% so với cùng kỳ năm 2014. Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam, chiếm 19,07% tổng giá trị xuất khẩu. Trong 3 tháng đầu năm 2015, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 260,07 triệu USD, giảm 33,78% so với cùng kỳ năm 2014. Xuất khẩu sang Nhật Bản cũng giảm đáng kể với mức giảm là 15,08%. Xuất khẩu tăng trưởng ở các thị trường như Trung Quốc (tăng 17,2%), Thái Lan (tăng 13,26%), và Hà Lan (tăng 10,82%).

# THỦY SẢN



Tham khảo giá xuất khẩu thủy sản sang một số thị trường chính tuần từ 13-19/04/2015

Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thị trường
Tôm chít đông lạnh xuất khẩu, kích cỡ 200-400	kg	1600	6,60	Nhật Bản
Mực ống nhồi M đông lạnh	kg	2560,2	4,65	
Cá hộp ba cô gái	thùng	200	46,97	Hàn Quốc (Cộng Hòa)
Tôm hùm tươi sống	kg	823	23,70	Trung Quốc
Tôm thẻ không đầu bóc vỏ chừa đuôi luộc đông lạnh, kích cỡ 26/30	kg	9504	13,20	Đức
Thịt cá ngừ sọc da ngâm muối đóng hộp	kg	31824	3,62	Đức
Cá ngừ đóng hộp	thùng	1550	27,41	Hồng Kông
Thịt sò dương đông lạnh	kg	330	13,68	Hồng Kông
Chả cá thác lát đông lạnh	kg	3600	8,01	Úc
Thịt phi lê cá sòng hương khói đóng hộp "Sealord"	thùng	623	46,15	Thái Lan

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại)

**Trương Thị Thu Phương**

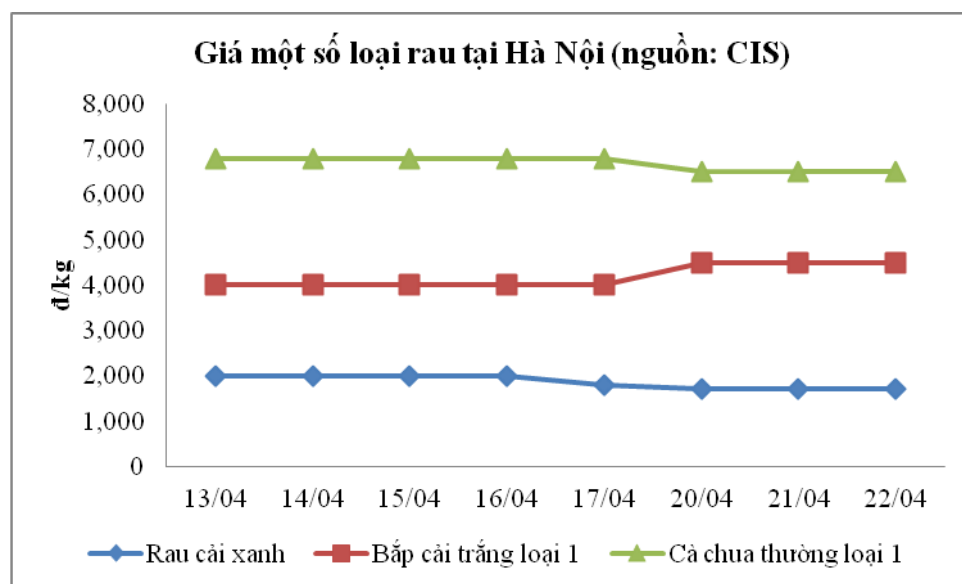
# RAU QUẢ



*Thị trường trong nước:* Tuần qua, tại TPHCM, giá một số loại trái cây đang vào mùa rộ nên nguồn cung nhiều, khiến giá giảm đáng kể và nhiều hàng Trung Quốc đành "rút" vì khó cạnh tranh. Cụ thể, sầu riêng giá từ 25.000 - 30.000 đ/kg, thanh long ruột đỏ 15.000 đ/kg, măng cầu, xoài hay cam chỉ từ 20.000 - 45.000 đ/kg. Tuy nhiên, một số mặt hàng mang tính giải nhiệt lại có giá tăng cao. Tại quận Tân Bình giá chanh dao động từ 30.000-40.000 đ/kg. Trong khi đó, giá dưa tươi hiện ở mức 10.000-12.000 đồng/quả. Theo các tiểu thương, việc lấy hàng trong thời điểm này khá khó khăn do nguồn cung hạn chế, khi nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh vào những ngày nắng nóng.

Tại Bình Định, giá ớt hiện đang tăng đáng kể. Nguyên nhân chính là do nông dân tại đây đã chuyển sang trồng cây khác, khiến diện tích ớt ở địa phương giảm mạnh. Nếu vào đầu vụ thu hoạch, giá ớt to chuyên xuất sang Trung Quốc chỉ có giá 8.000đ/kg thì nay loại ớt này đã tăng đến 18.000đ/kg, còn loại ớt nhỏ (ớt chỉ thiên) chuyên tiêu thụ nội địa, đầu vụ giá chỉ có 15.000đ/kg, nay tăng đến 30.000đ/kg. ngoài ra, do thời điểm đầu vụ suốt cả tháng trời âm u, cây ớt bị thiếu ánh sáng nên ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển, gây mất năng suất, khiến nguồn cung giảm.

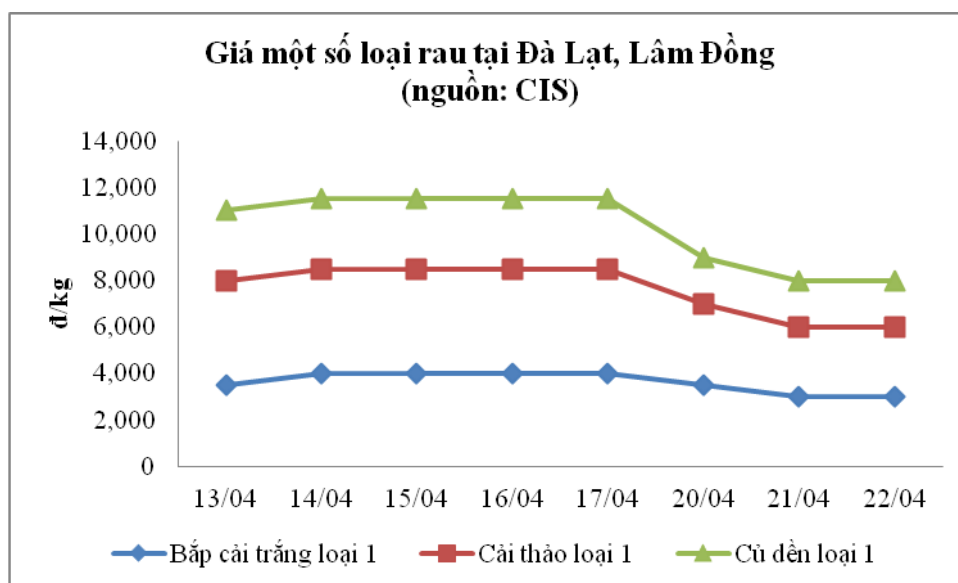
Tại Hà Nội, giá một số loại rau như cải xanh, cà chua giảm nhẹ so với tuần trước. Cụ thể rau cải xanh, cà chua giảm xuống các mức giá tương ứng là 1.700đ/kg và 6.500đ/kg. Tuy nhiên, một số loại rau khác như bắp cải, đậu cove tuần qua giá nhích lên chút ít khoảng 300-500đ/kg do hiện đang là thời điểm cuối vụ của các mặt hàng này khiến nguồn cung hạn chế.



# RAU QUẢ



Tuần qua, giá một số loại rau tại Lâm Đồng, Đà Lạt diễn biến giảm nhẹ, do nguồn cung gia tăng. Với khí hậu khá thuận lợi tuần qua, sản lượng một số rau tại đây đã tăng, khiến giá giảm xuống so với tuần trước. Cụ thể giá bắp cải trắng, cải thảo, củ dền... đều giảm từ 500-1000đ/kg.



**Xuất nhập khẩu:** Trong tuần, mặt hàng thanh long vẫn là mặt hàng trái cây tươi chủ lực xuất khẩu với mức giá là 0.7 USD/kg sang thị trường Indonesia. Bên cạnh đó, một số mặt hàng trái cây cũng được xuất khẩu nhưng chủ yếu ở dạng đông lạnh như dưa đông lạnh, dưa cô đặc...

Theo số liệu Tổng cục Hải quan, ước giá trị xuất khẩu rau quả trong tháng 4/2015 đạt 100 triệu USD, nâng mức giá trị xuất khẩu của 4 tháng đầu năm 2015 lên 468 triệu USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó thị trường xuất khẩu lớn nhất là Mỹ (chiếm 36%) kế tiếp là Nhật Bản và Trung Quốc với thị phần là 14.9% và 14.6%.

*Chu Diễm Hằng*



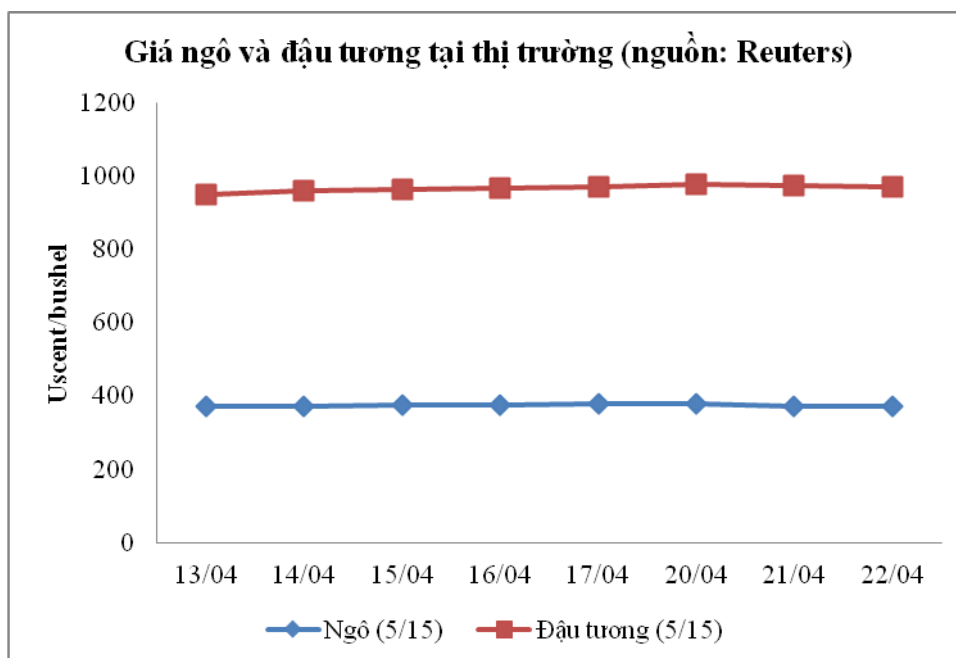
# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



*Thị trường thế giới:* Tại Sở giao dịch Chicago, giá ngô Mỹ trong tuần qua giảm liên tục trong 3 phiên từ đầu tuần cho đến hôm thứ tư (22/4), với giá dao động 372-379 UScent/bushel. Nguyên nhân là do dự kiến diện tích trồng ngô tăng mạnh và thông tin về chính phủ Mỹ xác nhận một ổ dịch cúm gia cầm, khiến nhu cầu giảm. Tuy nhiên, tại phiên hôm thứ năm (23/4), giá ngô Mỹ đã tăng trở lại do lo ngại về tiềm năng nhu cầu thức ăn chăn nuôi và dự kiến diện tích trồng trở lại tại Mỹ tăng.



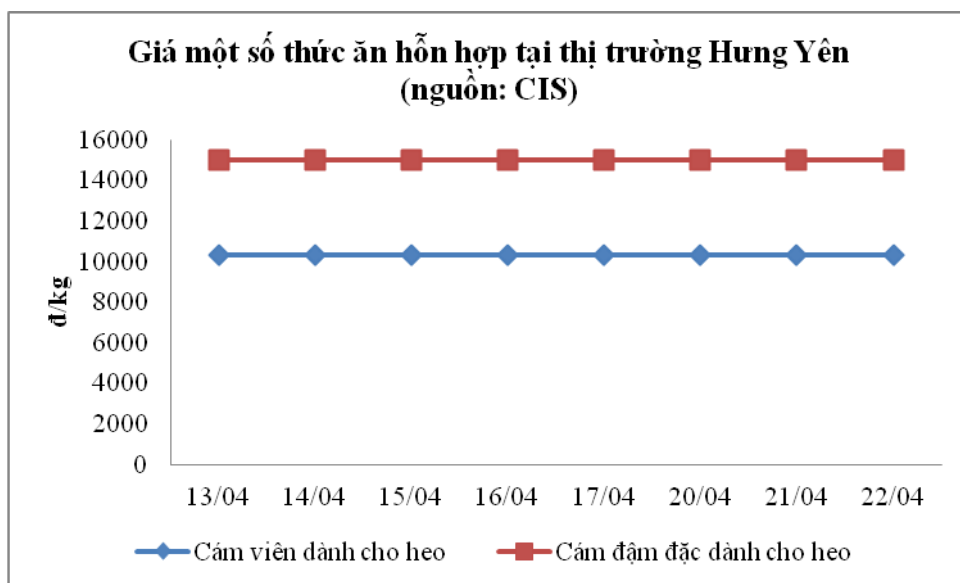
Tuy nhiên, diễn biến thị trường đậu tương lại không tương đồng. Sau sáu ngày liên tiếp tăng giá liên tục từ mức 948 Uscent/bushel lên mức 975 Uscent/bushel, tại phiên giao dịch ngày 22/4 giá đã giảm xuống còn 970 Uscent/bushel. Nguyên nhân là do thông tin dự báo tăng sản lượng và mở rộng diện tích tại một số điểm trồng đậu tương.



# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



*Thị trường trong nước:* Tuần qua, tại khu vực phía Bắc, giá một số loại thức ăn chăn nuôi hỗn hợp vẫn duy trì ở mức của tuần trước. Cụ thể, giá cám viên dành cho lợn tại Hưng Yên là 10.300đ/kg, giá cám đậm đặc là 15.000đ/kg.



Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tuần, mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu chính là bột bã ngô được nhập khẩu từ Malaysia với mức giá là 0.28 USD/kg. Kế tiếp là mặt hàng khô dầu đậu nành nhập từ Singapore ở mức giá là 0.43 USD/kg.

Giá trị nhập khẩu nhóm mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu trong tháng 4/2015 ước đạt 316 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2015 đạt 1,16 tỷ USD, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2014. Thị trường nhập khẩu chính của nhóm mặt hàng này là Acentina (chiếm 34,3% thị phần), tiếp đến là Hoa Kỳ (21,3%) và Trung Quốc (7,2%).

**Chu Diễm Hằng**

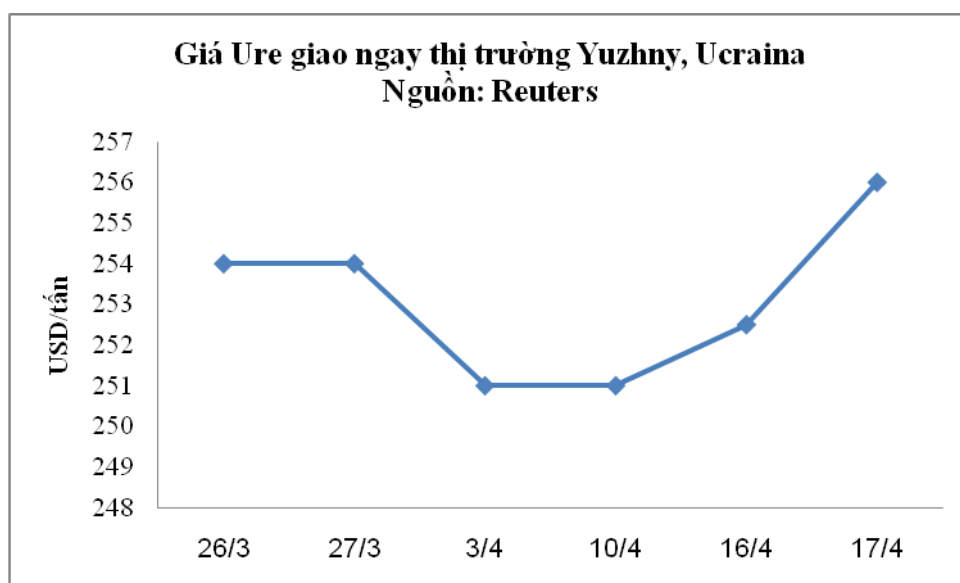
# PHÂN BÓN



*Thị trường thế giới:* Thị trường Ure thế giới tuần này diễn biến tương đối phức tạp (tăng, giảm tùy khu vực). Tại Vịnh Mỹ giá Ure bán lẻ và bán buôn đều giảm do nông dân Mỹ thu hoạch muộn, vụ mùa mới vẫn chưa bắt đầu nên nhu cầu thấp. Giá Ure tại vịnh Mỹ ở mức 375USD/tấn, FOB và giá kỳ hạn vào mùa hè có thể thấp hơn 10-15 USD/tấn. Giá Ure được dự báo sẽ chạm đáy do các nhà cung cấp Trung Quốc muốn giành được đơn hàng từ phiên đấu thầu của Ấn Độ. Mức chào giá Ure trong phiên đấu thầu của STC (Ấn Độ) ở mức 266-270,22 USD/tấn, CFR. Trong khi đó, phiên đấu thầu do Dongbo tổ chức cho 10.000 tấn Ure hạt đục đã nhận được mức giá bỏ thầu thấp nhất với 265 USD/tấn FOB của Trung Quốc.

Giá Ure hạt trong tuần này tại Yuzhny, Ucraina tăng 5,5 USD/tấn lên 256 USD/tấn FOB. Tại thị trường Trung Quốc, giá Ure nhà máy tiếp tục giảm. Tại Sơn Đông, các đơn hàng mới ít do nhu cầu giảm. Một số nhà máy đã buộc phải giảm thiểu sản xuất để nâng giá phân bón xuất xưởng.

Thị trường DAP thế giới vẫn khá trầm lắng. Tại New Orleans, giá DAP sà lan tại Vịnh Mỹ được giao dịch trong tuần ở mức 410 USD/tấn (FOB), trong khi những sà lan được di chuyển lên phía Bắc có mức giá 415 – 420 USD/tấn (FOB). Hồ sơ dự thầu đã được đàm phán ở mức 400 – 405 USD/tấn (FOB)ob.

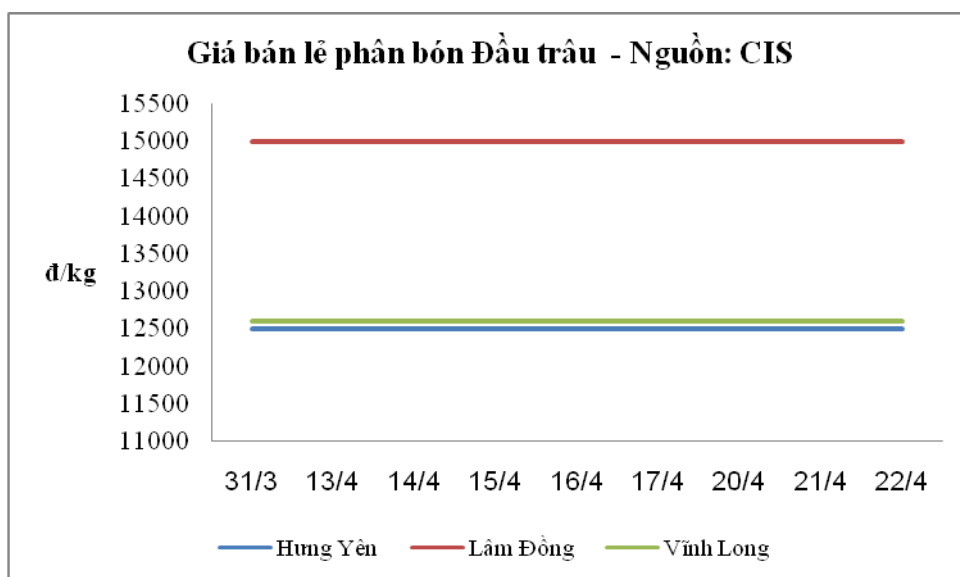


# PHÂN BÓN



*Thị trường trong nước:* Tại một số tỉnh ĐBSCL như Sóc Trăng, Bạc Liêu... nhu cầu phân bón cho vụ Đông xuân thấp trong khi đó tại Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang nhu cầu khá ổn định. An Giang, Đồng Tháp đang xuống giống lúa Hè Thu nên nhu cầu có dấu hiệu tăng nhẹ. Tỉnh Hậu Giang đã xuống giống vụ Hè Thu được khoảng 50% và đang bón đợt 1-2 cho vụ Hè thu nên nhu cầu ổn định. Trong khi đó Bạc Liêu và Sóc Trăng đã sắp thu hoạch xong lúa đông Xuân nên nhu cầu dự kiến sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới để chuẩn bị cho vụ lúa Hè Thu. Tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, lúa Đông Xuân đang trở nên nhu cầu tiêu thụ xuống thấp. Tại Hà Nội, giá Ure Phú Mỹ giữ mức 9.300 đ/kg, giá phân Kali 9.150 đ/kg. Tại Hưng Yên, giá Ure Phú Mỹ là 9.000 đ/kg; giá phân Đầu Trâu 12.500 đ/kg.

Theo số liệu thống kê, ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 4 năm 2015 đạt 387 nghìn tấn với giá trị 140 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu phân bón 4 tháng đầu năm 2015 đạt 1,23 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 402 triệu USD, tăng 7,1% về khối lượng và tăng 11,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, khối lượng nhập khẩu phân URE ước đạt 15 nghìn tấn với giá trị đạt 5 triệu USD, giảm 35,1% về khối lượng và giảm 41,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014; phân SA ước đạt 282 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 132 triệu USD, tăng 7,2% về khối lượng và tăng 13,5% về giá trị so với năm 2014. Nguồn phân bón nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, mặc dù giảm hơn năm 2014 nhưng vẫn chiếm tới 41% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này.



*Hồ Như Nguyệt*

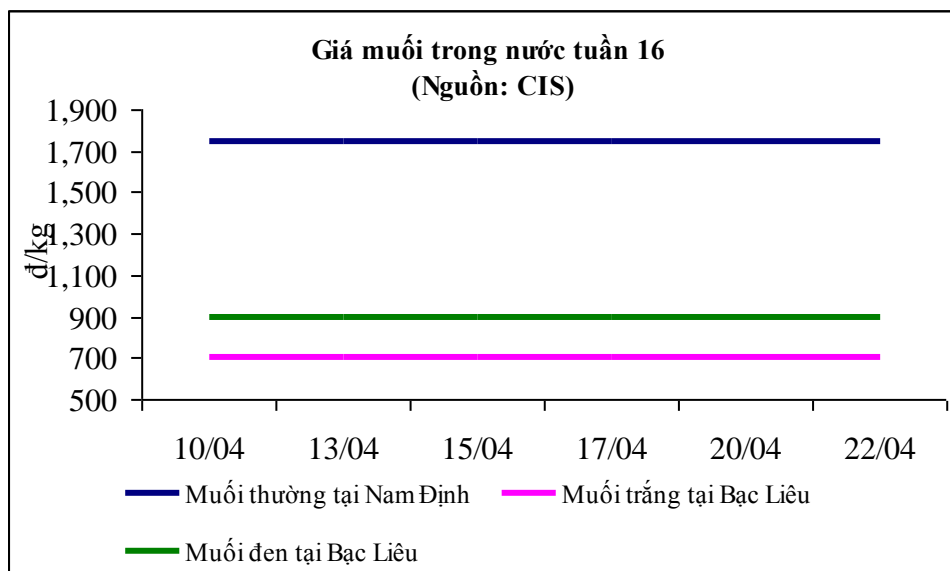


# MUỐI



Ninh Thuận là một trong những vùng sản xuất muối lớn nhất cả nước, với hơn 105 km bờ biển và sản lượng hàng năm đạt hơn 250 nghìn tấn. Trong tổng số 2.371 ha đất làm muối của cả tỉnh, có **536 ha** làm muối thực phẩm. Vụ muối đầu năm 2015, các tỉnh miền Trung tuy cho năng suất cao nhưng giá muối lại sụt giảm mạnh. Từ đầu năm đến nay, Ninh Thuận không có mưa, thời tiết nắng nóng giúp sản lượng muối cao gấp **1,24 lần** so với cùng kỳ năm ngoái, song giá muối **thủ công** hiện chỉ còn 300 – 400 đ/kg so với **600 - 800 đ/kg cùng kỳ** năm ngoái. Không những rớt giá, **việc muối tiêu thụ còn chậm nên lượng muối tồn đọng chờ tiêu thụ** nhiều khiến đời sống diêm dân ngày càng khó khăn.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá muối tại các tỉnh Bạc Liêu, Nam Định tuần qua ổn định ở mức thấp. Cụ thể: tại Bạc Liêu, giá muối đen ở mức 600 – 700 đ/kg, muối trắng ở mức 800 – 900 đ/kg. Tại Nam Định, giá muối thường ở mức 1.750 đ/kg.



*Nguyễn Lan Anh*



## TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI ĐẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Năm 2015, Việt Nam sẽ hoàn tất các thủ tục để tham gia Hiệp định Thương mại tự do với thị trường EU, Hàn Quốc, với Liên minh hải quan Nga - Belarus – Kazakhstan (FTA) và Hiệp định Thương mại hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Xuất khẩu (XK) thủy sản Việt Nam sẽ phải đứng trước những thách thức, rào cản lớn bên cạnh những lợi thế lợi nhất về việc ưu đãi thuế.

### *Cơ hội lớn*

Năm 2014, tổng kim ngạch XK thủy sản Việt Nam đạt 7,84 triệu USD, tăng 16,5% so với năm 2013. Trong đó, 4 thị trường XK lớn và trọng điểm là Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm tới 64,4% tổng giá trị XK. Vì thế, sự tham gia của 4 đối tác kinh tế quan trọng trên vào các hiệp định thương mại sẽ đem lại những lợi ích, cơ hội lớn cho XK thủy sản Việt Nam trong năm nay.

Các nước thành viên tham gia TPP sẽ được giảm 90% các loại thuế xuất nhập khẩu hàng hóa và cắt giảm bằng 0% năm 2015. Đây sẽ là tín hiệu tốt cho các doanh nghiệp (DN) XK thủy sản, đặc biệt là DN XK cá ngừ sang thị trường Nhật Bản bởi trong nhiều năm trước đây thuế suất của Việt Nam đang cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực ASEAN.

Theo Bộ Công Thương, thủy sản là nhóm hàng sẽ được hưởng ưu đãi thuế ngay lập tức khi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan (gồm Nga, Belarus và Kazakhstan) (Hiệp định VCUFTA) có hiệu lực. Thêm nữa, ngoài lợi ích từ thuế thì Hiệp định còn đem lại một loạt các thỏa thuận thương mại nữa về kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm (ATTP), kiểm dịch sản phẩm (SPS). Hiệp định này đã thống nhất nhiều nguyên tắc minh bạch, đúng với thông lệ quốc tế. Với những quy tắc như thế, các DN XK cá tra sẽ tránh được rất nhiều rủi ro về các yêu cầu an toàn thực phẩm XK. Liên minh Hải quan là thị trường XK khá quan trọng của các DN XK cá tra, hải sản.

Sau lệnh cấm NK thủy sản đối với thủy sản từ EU, Mỹ, Na Uy, Australia kéo dài từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2015, lượng NK thủy sản của Nga đã giảm. Do vậy, năm 2015 sẽ là cơ hội cho DN XK thủy sản Việt Nam sang Liên minh Hải quan. Tính đến nay, có 23 nhà máy, xí nghiệp chế biến XK thủy sản được phép XK sang thị trường này.

Việc ký hiệp định FTA và TPP sẽ là cơ hội cho DN thủy sản Việt Nam mở rộng thị trường. DN có thể nhập khẩu (NK) nguyên liệu từ các nước để gia công, chế biến XK sang EU và các nước tham gia TPP. Trung Quốc hiện đang đứng đầu về gia công thủy sản cho các nước, nhưng hiện nay các nước này đang có xu hướng chuyển dịch từ Trung Quốc sang các nước khác có điều kiện sản xuất và lao động thuận lợi hơn. Vì vậy, đây có thể là cơ hội để các nhà kinh doanh và NK thủy sản từ Mỹ, Nhật Bản, EU lựa chọn Việt Nam để đầu tư.

Ngoài ra, đây sẽ là cơ hội tốt cho thủy sản Việt Nam tăng sức cạnh tranh nhờ sử dụng các dịch vụ hỗ trợ sản xuất giá rẻ hơn như vận tải, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu vật tư, trang thiết bị; là cơ hội tăng cường hợp tác liên doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến chuỗi sản xuất hàng giá trị gia tăng...



## ***Thách thức***

Bên cạnh nhiều cơ hội lớn, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức khi tham gia vào các Hiệp định thương mại.

**Quy tắc xuất xứ:** Để được hưởng ưu đãi thương mại trong khu vực FTA, các sản phẩm thủy sản của Việt Nam phải đáp ứng các quy tắc về xuất xứ. Quy tắc xuất xứ có ý nghĩa quan trọng, thường phức tạp, và trong hầu hết các trường hợp là một phần không thể thiếu trong mọi cuộc đàm phán FTA. Về cơ bản, chỉ những sản phẩm đáp ứng các quy tắc xuất xứ của một FTA mới có thể hưởng các mức thuế suất ưu đãi của FTA đó. Tùy vào nhà XK và nhà NK thuộc quốc gia nào mà FTA nào được áp dụng. Các DN XK sản phẩm sang những nước khác nhau phải hiểu rõ và tuân thủ những quy tắc này. Tuy nhiên, nhiều DN Việt Nam không nắm bắt được các ưu đãi của FTA vì tính phức tạp và số lượng các quy tắc rất nhiều. Do vậy, thực tế đến nay, các DN xuất khẩu thủy sản Việt Nam chưa tận dụng được nhiều các ưu đãi từ FTA.

**Rào cản kỹ thuật:** Với việc tự do hóa thương mại, thủy sản Việt Nam sẽ có lợi về thuế quan, nhưng sẽ là đối tượng để các thị trường áp dụng các rào cản phi thuế quan nhằm bảo hộ ngành sản xuất nội địa hoặc hạn chế NK. Những rào cản như thuế chống bán phá giá (CBPG), thuế chống trợ cấp, các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh... đang và sẽ được tăng cường áp dụng.

**Sự bảo hộ thương mại:** Sự cạnh tranh về giá cũng chính là một khó khăn đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tại một số nước, trong đó có Mỹ. Do đó, nước NK sẽ sử dụng một số rào cản mang tính chất bảo hộ như quy định về yêu cầu dán nhãn sản phẩm “an toàn cá heo” của tổ chức Ell đối với sản phẩm cá ngừ và thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm, cá tra Việt Nam. Đây tiếp tục là rào cản đối với DN XK thủy sản Việt Nam.

**Sự cạnh tranh mạnh mẽ:** Tham gia vào các hiệp định thương mại đồng nghĩa với việc mở cửa và hội nhập hơn nữa vào tất cả các thị trường. Hiện nay, với những ưu đãi về thuế NK nguyên liệu, một số nước đối thủ cạnh tranh như: Trung Quốc hay Thái Lan hay các nguồn cung lớn khác như: Bangladesh, Indonesia, Ấn Độ... đang khiến DN thủy sản Việt Nam khó cạnh tranh để giành được thị phần.

Với những cơ hội và thách thức nói trên, ngành thủy sản Việt Nam cần chủ động nắm bắt cơ hội, tìm giải pháp giữ vững những thị trường truyền thống và đẩy mạnh xúc tiến thương mại vào những thị trường mới, thị trường tiềm năng... nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu.

***Hồ Như Nguyệt***

## **Tài liệu tham khảo:**

- Báo Công Thương
- Thông tấn xã Việt Nam
- Tintucnongnghiep.com, vinanet.com.vn
- VASEP

### AUSTRALIA CHÍNH THỨC MỞ CỬA CHO TRÁI VẢI CỦA VIỆT NAM

Bộ Nông nghiệp Australia vừa có văn bản gửi Cục Bảo vệ thực vật (Bộ NN&PTNT) Việt Nam (VN) cho biết Australia đã chính thức mở cửa cho trái vải của VN vào thị trường nước này. Như vậy sau Mỹ, Australia là thị trường khó tính thứ hai chấp nhận nhập khẩu trái vải tươi của VN.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, năm 2015 sẽ là năm đầu tiên trái vải tươi của VN xuất khẩu vào hai thị trường khó tính là Mỹ và Australia, góp phần giảm áp lực tiêu thụ và đa dạng hóa thị trường cho loại trái cây này. Hiện Cục Bảo vệ thực vật đã cấp mã số cho 10 vùng trồng vải đủ điều kiện xuất khẩu đi Mỹ và Australia. Ngoài nhà máy đóng gói đủ tiêu chuẩn, trái vải tươi của VN còn phải trải qua quá trình chiếu xạ trước khi xuất khẩu vào hai thị trường trên.

Hiệp hội Rau quả VN (Vinafruits) cho biết đây là một thông tin tích cực đối với ngành trái cây VN nói chung và trái vải VN nói riêng vì vụ thu hoạch vải của VN đã sắp bắt đầu (tháng 6).



*(Nguồn: Báo Tuổi trẻ)*





## QUY CHUẨN QUỐC GIA VỀ ĐIỀU KIỆN NUÔI THỦY SẢN

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vừa ban hành Thông tư 16/2015/TT-BNNPTNT quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản, có hiệu lực thi hành từ 10/10/2015.

Quy chuẩn này quy định những điều kiện để đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với cơ sở nuôi cá lồng, bè nước ngọt.

Theo đó, vị trí đặt lồng, bè phải nằm trong vùng quy hoạch để phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, không bị ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm.



Lồng, bè nuôi phải được vệ sinh, khử trùng trước và sau khi nuôi theo quy trình kỹ thuật với từng đối tượng thủy sản.

Quy định về cá giống, Thông tư nêu rõ, cá giống có nguồn gốc rõ ràng, phải được mua từ các cơ sở có kiểm soát chất lượng cá bố mẹ, cá giống và quá trình sản xuất giống. Cá giống phải khỏe mạnh, được cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch.

Đối với thức ăn để nuôi cá, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định, phải sử dụng thức ăn công nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam. Thức ăn tự chế biến phải có đủ thành phần dinh dưỡng, không chứa kháng sinh, hóa chất cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

Việc thu hoạch cá phải tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian ngừng sử dụng thuốc, hóa chất trước khi thu hoạch cá.

Cơ sở phải chấp hành thông báo dừng thu hoạch của cơ quan kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong trường hợp các chỉ tiêu vi sinh, hóa học trong sản phẩm nuôi vượt quá giới hạn cho phép.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 10/10/2015

(Nguồn: [Chinhphu.vn](http://Chinhphu.vn))



## **NGÂN SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY MUA THÓC, GẠO TẠM TRỮ**

Bộ Tài chính vừa có Thông tư số 50/2015/TT-BTC hướng dẫn hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng để mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân 2014-2015.

Thông tư này hướng dẫn việc ngân sách Nhà nước hỗ trợ lãi suất tiền vay mua thóc, gạo tạm trữ vụ Đông Xuân 2014-2015 ở Đồng bằng sông Cửu Long cho các thương nhân được quy định tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24-2-2015 của Thủ tướng Chính phủ về mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân 2014-2015.

Theo đó, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại cho các thương nhân được Hiệp hội Lương thực Việt Nam phân giao thực hiện mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân 2014-2015 và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Ngân sách Nhà nước cũng hỗ trợ lãi suất tiền vay mua thóc, gạo tạm trữ nhưng chỉ thực hiện đối với các khoản vay từ ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định.

Nếu thương nhân mua thóc, gạo tạm trữ bằng nguồn vốn khác, không phải bằng nguồn vay ngân hàng thương mại sẽ không được ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

Các khoản vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản vay trả nợ trước và trong hạn tại thời điểm hỗ trợ lãi suất, không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay quá hạn.

Số lượng thóc, gạo được hỗ trợ lãi suất cho từng thương nhân theo số lượng thóc, gạo thực tế thương nhân mua tạm trữ nhưng không được vượt quá số lượng quy định tại các văn bản phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân 2014-2015 của Hiệp hội Lương thực Việt Nam và đảm bảo tổng số thóc, gạo mua tạm trữ không được vượt quá 1 triệu tấn quy gạo.

Thóc, gạo mua tạm trữ là các loại thóc, gạo (kể cả gạo tẻ, nếp, thơm và tằm các loại).

Thời hạn mua tạm trữ từ ngày 1-3-2015 đến hết ngày 15-4-2015.

Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng là thời gian tạm trữ thực tế tính từ thời điểm mua thóc, gạo theo quy định tại khoản 6 Điều này đến thời điểm bán thóc, gạo tạm trữ nhưng không quá thời hạn ngày 30-6-2015.

Giá để tính hỗ trợ lãi suất là giá mua thực tế theo giá thị trường (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho từng loại thóc, gạo.

*(Nguồn: baohaiquan.vn)*

**BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI**

<b>CÀ PHÊ</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>13/04</b>	<b>14/04</b>	<b>15/04</b>	<b>16/04</b>	<b>17/04</b>	<b>20/04</b>	<b>21/04</b>	<b>22/04</b>
<b>Trong nước</b>										
Cà phê nhân xô vối	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	39200	38700	38800	38800	38900	38900	39000	38900
Cà phê nhân xô vối	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	38200	38000	38000	38200		38200	38200	38200
<b>Thế giới</b>										
Cà phê Robusta (5/15)	London - Anh	USD /tấn	1789	1793	1794	1796	1799	1804	1801	1820

<b>CAO SU</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>13/04</b>	<b>14/04</b>	<b>15/04</b>	<b>16/04</b>	<b>17/04</b>	<b>20/04</b>	<b>21/04</b>	<b>22/04</b>
<b>Thế giới</b>										
cao su RSS3 (4/15)	TOCOM- Nhật Bản	Yên/kg	201,1	198,2	199,8	199,5	198,7	197,1	202,5	205
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg				54,95	54,7	54,5	54,5	55,25
SIR20 BELAWAN NN (5/15)	Indonesia	Uscent /kg		164	134,5	163,5	164			164,5

<b>PHÂN BÓN</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>13/04</b>	<b>14/04</b>	<b>15/04</b>	<b>16/04</b>	<b>17/04</b>	<b>20/04</b>	<b>21/04</b>	<b>22/04</b>
<b>Trong nước</b>										
Phân Đầu trâu L1	Hưng Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng	đ/kg	12500		12500		12500	12500		12500
NPK cô pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
NPK 20-20-15	Vĩnh Long- Bình Minh	đ/bao 50kg	630000		630000		630000	630000		630000
<b>Thế giới</b>										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn				252,5	256			

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	20/04	21/04	22/04
<b>Trong nước</b>										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	37000	37000	37000	37000	37000	37000	37000	37000
Gà trống ta hơi	An Giang- Thoại Sơn	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000
Lợn hơi	Vĩnh Long-Chợ Vung Liêm	đ/kg	48000		48000		48000	48000		48000
Lợn hơi	An Giang- Thoại Sơn	đ/kg	50000	50000	50000	50000	50000	50000	50000	50000
<b>Thế giới</b>										
Lợn hơi (5/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	72	71,7	69,45	71,025	70,525	70,275	71,6	70,7

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	20/04	21/04	22/04
<b>Trong nước</b>										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hưng Yên- Yền Mỹ	đ/kg	10300		10300		10300	10300		10300
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hưng Yên- Yền Mỹ	đ/kg	15000		15000		15000	15000		15000
<b>Thế giới</b>										
Ngô (5/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	370,5	373,5	376	376,25	379,75	378	373	372,5
Đậu tương (5/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	948,75	960,25	965	966	968,75	977,5	975,25	970,5



CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	20/04	21/04	22/04
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		130000	130000	130000	130000	130000	130000	
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		200000	200000	200000	200000	200000	200000	
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		160000	160000	150000	150000	150000	150000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		14000	14000	13000	13000	13000	13000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		8000	8000	8000	8000	8000	8000	
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	5500	5500	5500	5500	5500	5500	5500	5500
<b>Thế giới</b>										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg					3,19			

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	20/04	21/04	22/04
Đường trắng (5/15)	London -Anh	USD /tấn	362,1	364,5	363	377,7	372,7	360,8	357,4	360,4

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	20/04	21/04	22/04
Gỗ xẻ (5/15)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	259,6	250,6	259,7	255,3	248	248,4	242,9	252,9

LÚA, GẠO										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	20/04	21/04	22/04
Lúa CLC IR 50404 (lúa ứót)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4300	4300	4300	4300	4300	4300	4300	4300
Lúa CLC OM 2514 (lúa ứót)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4600	4600	4600	4600	4600	4600	4600	4600
Lúa CLC OM 1490 (lúa ứót)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
Lúa CLC OM 2717 (lúa ứót)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4600	4600	4600	4600	4600	4600	4600	4600
Lúa chất lượng cao (lúa ứót)	Bạc Liêu- Huyện Vĩnh Lợi,	đ/kg			4600					4600
Lúa tẻ thường	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5500		5500		5500	5500		5500
Lúa dài	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5700		5700		5700	5700		5700
Gạo CLC IR 50404	Vĩnh Long	đ/kg	9000		9000		9000	9000		9000
Gạo tẻ chất lượng cao (CLC)IR 50404	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Gạo	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	12000		12000		12000	12000		12000









